

Mã SV	Họ	Tên	Nơi sinh	Lớp	xeploai
1361201020	Lường Hoàng	Anh	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Khá
1361201006	Cà Nhật	Đăng	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Trung bình
1361201007	Lèo Thành	Đạt	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Trung bình
1361201010	Cà Thị	Diệp	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Khá
1361201017	Hà Việt	Hưng	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Trung bình
1361201019	Giàng A	Hương	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Khá
1361201014	Hà Tường	Lân	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Trung bình
1361201011	Hồ A	Nụ	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Khá
1361201018	Trịnh Phạm Ngọc	Quỳnh	Lâm Đồng	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Khá
1361201009	Giàng A	Súa	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Khá
1361201004	Cà Đức	Toàn	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Khá
1361201003	Lò Thị Thu	Trang	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	Khá
1361201024	Hà Hải	Đăng	Sơn La	TC Dịch vụ pháp lý K61A2	Trung bình
1361708014	Vĩ Quốc	Bảo	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Khá
1361708005	Hoàng Tiến	Đạt	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Khá
1361708017	Lường Văn	Hạnh	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Khá
1361708004	Lò Việt	Hùng	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Khá
1361708003	Cầm Thị Thu	Ngân	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Giỏi
1361708007	Lò Duy	Nghĩa	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Khá
1361708013	Lò Thị Mai	Nhàn	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Giỏi
1361708016	Khoa Văn	Quỳnh	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Khá
1361708011	Hoàng Trường Việt	Vũ	Sơn La	TC Hành chính VP K61A1	Khá
1361708038	Lường Văn	Anh	Sơn La	TC Hành chính VP K61A2	Khá
1361708029	Sùng A	Bấn	Sơn La	TC Hành chính VP K61A2	Trung bình
1361708024	Lường Văn	May	Sơn La	TC Hành chính VP K61A2	Khá
1361708023	Lò Thị Minh	Nguyệt	Sơn La	TC Hành chính VP K61A2	Khá
1361708028	Sồng A	Tuấn	Sơn La	TC Hành chính VP K61A2	Trung bình
1361714001	Cà Thị Hoàng	Anh	Sơn La	TC Hướng dẫn DL K61A	Giỏi
1361714008	Cà Thị Thanh	Diệp	Sơn La	TC Hướng dẫn DL K61A	Giỏi
1361714014	Lèo Như	Ngọc	Sơn La	TC Hướng dẫn DL K61A	Khá
1361714002	Mùa A	Nụ	Sơn La	TC Hướng dẫn DL K61A	Khá
1361714009	Tráng A	Phành	Sơn La	TC Hướng dẫn DL K61A	Giỏi
1361714005	Sồng A	Phừ	Sơn La	TC Hướng dẫn DL K61A	Giỏi
1361714006	Sồng A	Say	Sơn La	TC Hướng dẫn DL K61A	Giỏi
1361714012	Lù Mạnh	Thỏa	Sơn La	TC Hướng dẫn DL K61A	Khá
1361714021	Trần Việt	Tiến	Hưng Yên	TC Hướng dẫn DL K61A	Khá
1361538014	Lò Quốc	Bảo	Sơn La	TC Pháp luật K61A1	Khá
1361538008	Cà Tiến	Đạt	Sơn La	TC Pháp luật K61A1	Khá
1361538013	Tòng Văn	Đầy	Sơn La	TC Pháp luật K61A1	Khá
1361538005	Lường Thị Thúy	Hồng	Sơn La	TC Pháp luật K61A1	Giỏi
1361538002	Cà Thị Thảo	My	Sơn La	TC Pháp luật K61A1	Giỏi
1361538012	Cà Duy	Nhật	Sơn La	TC Pháp luật K61A1	Khá
1361538017	Tòng Văn	Phong	Sơn La	TC Pháp luật K61A1	Khá
1361538010	Lò Thị Anh	Thư	Sơn La	TC Pháp luật K61A1	Giỏi
1361538027	Sùng Bả	Chua	Sơn La	TC Pháp luật K61A2	Khá
1361538024	Vũ Bảo	Long	Sơn La	TC Pháp luật K61A2	Khá

1361538030	Hà Trọng	Nghĩa	Sơn La	TC Pháp luật K61A2	Trung bình
1361538023	Tòng Minh	Tân	Sơn La	TC Pháp luật K61A2	Khá
1361538028	Quàng Mạnh	Trường	Sơn La	TC Pháp luật K61A2	Khá
1361030028	Nông Thị Huyền	Cúc	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Trung bình
1361030022	Quàng Khánh	Đạt	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Khá
1361030033	Tòng Thị	Điệp	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Giỏi
1361030026	Vương Thị Ngân	Hà	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Khá
1361030005	Lò Thị Thu	Hằng	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Khá
1361030014	Lù Thanh	Hằng	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Khá
1361030032	Lò Anh	Khang	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Trung bình
1361030010	Hà Thị Tuyết	Mai	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Giỏi
1361030003	Lò Thị Thanh	Nhàn	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Khá
1361030011	Hà Thị Minh	Trang	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Giỏi
1361030006	Lò Thị Thu	Trang	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Giỏi
1361030016	Quàng Yến	Trang	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Khá
1361030004	Thào Thị	Vú	Sơn La	TC Quản lý VH K61A	Giỏi
1361715015	Tòng Gia	Bảo	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Khá
1361715012	Cà Thị	Châm	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Giỏi
1361715008	Cà Thùy	Châm	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Giỏi
1361715018	Quàng Việt	Cường	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Khá
1361715004	Lò Thị Thúy	Hằng	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Giỏi
1361715010	Cà Gia	Khánh	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Khá
1361715007	Cà Thị Thảo	My	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Giỏi
1361715001	Quàng Thị Hằng	Nga	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Giỏi
1361715013	Tòng Thị Minh	Nguyệt	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Giỏi
1361715002	Lèo Thị	Nhung	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Xuất sắc
1361715006	Hà Nhật	Thiên	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Khá
1361715014	Cà Thị Ánh	Tuyết	Sơn La	TC Quản trị KS K61A1	Giỏi
1361715037	INTHACHAK TIP		U Đôm Xay	TC Quản trị KS K61A2	Khá
1361715038	KHAMMASITH PHOI		OUDOMXAY	TC Quản trị KS K61A2	Khá
1361715031	Nguyễn Thành	Công	Sơn La	TC Quản trị KS K61A2	Giỏi
1361715028	Nguyễn Đức	Độ	Sơn La	TC Quản trị KS K61A2	Giỏi
1361715027	Nguyễn Việt	Đức	Vĩnh Phúc	TC Quản trị KS K61A2	Khá
1361715021	Đỗ Thị	Hồng	Sơn La	TC Quản trị KS K61A2	Khá
1361715023	Quàng Văn	Long	Sơn La	TC Quản trị KS K61A2	Trung bình
1361715026	Lèo Văn	Ngọc	Sơn La	TC Quản trị KS K61A2	Giỏi
1361715032	Quàng Thế	Nguyễn	Sơn La	TC Quản trị KS K61A2	Khá
1361705009	Hà Văn Quý	An	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Khá
1361705010	Đình Văn	Anh	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Khá
1361705006	Hà Đức	Duy	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Khá
1361705013	Lò Văn	Quân	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Trung bình
1361705001	Giàng Thị	Sua	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Giỏi
1361705005	Sòng A	Thắng	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Khá
1361705016	Lù Lộc	Thành	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Giỏi
1361705018	Tòng Trung	Thành	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Trung bình
1361705017	Giàng A	Toán	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Trung bình
1361705015	Lò Duy	Trọng	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Trung bình

1361705008	Mùi Đức	Trọng	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Trung bình
1361705004	Hà Văn	Tùng	Sơn La	TC Tin học U'D K61A1	Trung bình
1361705029	Cà Thế	Bạch	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Khá
1361705019	Cà Hải	Đặng	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Trung bình
1361705027	Cà Trung	Du	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Trung bình
1361705034	Lò Hoàng	Đức	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Trung bình
1361705024	Vừ Chư	Hạ	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Khá
1361705032	Phạm Quang	Hưng	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Trung bình
1361705031	Lò Thị Thu	Huyền	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Khá
1361705035	Hoàng Minh	Quân	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Trung bình
1361705021	Cà Văn	Quyển	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Trung bình
1361705025	Phàng A	Sua	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Trung bình
1361705022	Hoàng Đức	Tuấn	Sơn La	TC Tin học U'D K61A2	Trung bình
1361111004	Tòng Thị	Diện	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Khá
1361111013	Lò Duy	Đình	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Giỏi
1361111015	Lò Vũ	Duy	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Giỏi
1361111014	Lèo Minh	Khang	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Giỏi
1361111012	Hà Văn	Khánh	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Khá
1361111006	Lò Thị An	Na	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Giỏi
1361111002	Hà Bích	Ngọc	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Giỏi
1361111011	Hà Đức	Nguyễn	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Giỏi
1361111010	Quàng Thanh	Niệm	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Giỏi
1361111009	Lò Văn	Phong	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Giỏi
1361111016	Hà Thị Thùy	Tiên	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Khá
1361111003	Hà Anh	Tuấn	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Khá
1361111017	Lò Văn	Tùng	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Khá
1361111001	Tòng Thị Ánh	Tuyết	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Khá
1361111018	Lò Văn	Việt	Sơn La	TC TT và BVTV K61A1	Khá
1361111022	Tòng Minh	Đạt	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Trung bình
1361111031	Lường Văn	Dũng	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Giỏi
1361111033	Cà Văn	Hoàng	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Khá
1361111030	Quàng Thanh	Lâm	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Khá
1361111025	Lù Văn	Luân	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Giỏi
1361111027	Lò Văn	Lý	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Khá
1361111032	Tòng Văn	Oai	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Khá
1361111026	Giàng A	Phử	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Giỏi
1361111028	Lù Thị Hồng	Phước	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Khá
1361111036	Quàng Văn	Quyên	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Giỏi
1361111024	Hoàng Văn	Quyền	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Khá
1361111020	Tòng Văn	Quỳnh	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Khá
1361111023	Cà Tất	Thành	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Giỏi
1361111035	Khoa Văn	Thức	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Khá
1361111029	Lò Văn	Tiến	Sơn La	TC TT và BVTV K61A2	Giỏi
1361707007	Tòng Thị Ngọc	Ánh	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Giỏi
1361707001	Cà Thị Ngọc	Bích	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Giỏi
1361707030	Sòng Tiến	Dũng	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Khá
1361707022	Hoàng Thị	Huyền	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Khá

1361707031	Hoàng	Ngân	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Khá
1361707012	Cà Thị Bích	Nhật	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Khá
1361707020	Cầm Thị Yến	Nhi	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Khá
1361707010	Cà Quỳnh	Như	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Khá
1361707009	Tòng Thị Tuyết	Như	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Khá
1361707013	Lù Thị Hà	Vy	Sơn La	TC Văn thư HC K61A	Khá

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2026
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHỐI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026
ĐỢT XÉT NGÀY 10/07/2026

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
1	1361201020	Lường Hoàng	Anh	24/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	7.32	2.84	Khá
2	1361201006	Cà Nhật	Đăng	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	6.72	2.45	Trung bình
3	1361201007	Lèo Thành	Đạt	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	6.56	2.18	Trung bình
4	1361201010	Cà Thị	Diệp	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	7.4	2.78	Khá
5	1361201017	Hà Việt	Hưng	30/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	6.34	2.18	Trung bình
6	1361201019	Giàng A	Hương	06/01/2008	Sơn La	Nam	Mông	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	7.5	2.95	Khá
7	1361201014	Hà Tường	Lân	10/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	6.8	2.45	Trung bình
8	1361201011	Hờ A	Nụ	07/04/2008	Sơn La	Nam	Mông	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	7.56	2.95	Khá
9	1361201018	Trịnh Phạm Ngọc	Quỳnh	09/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	7.4	2.76	Khá
10	1361201009	Giàng A	Súa	19/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	7.37	2.91	Khá
11	1361201004	Cà Đức	Toàn	25/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	7.35	2.78	Khá
12	1361201003	Lò Thị Thu	Trang	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A1	7.6	2.96	Khá
13	1361201024	Hà Hải	Đăng	05/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Dịch vụ pháp lý K61A2	6.86	2.35	Trung bình
14	1361708014	Vì Quốc	Bảo	15/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hành chính VP K61A1	7.18	2.75	Khá
15	1361708005	Hoàng Tiến	Đạt	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hành chính VP K61A1	6.9	2.6	Khá
16	1361708017	Lường Văn	Hạnh	17/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hành chính VP K61A1	7.44	2.87	Khá
17	1361708004	Lò Việt	Hùng	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hành chính VP K61A1	6.98	2.52	Khá
18	1361708003	Cầm Thị Thu	Ngân	02/03/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Hành chính VP K61A1	7.86	3.15	Giỏi
19	1361708007	Lò Duy	Nghĩa	22/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hành chính VP K61A1	7.19	2.65	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
20	1361708013	Lò Thị Mai	Nhàn	07/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Hành chính VP K61A1	7.94	3.21	Giỏi
21	1361708016	Khoa Văn	Quỳnh	01/12/2009	Sơn La	Nam	Khơ mú	TC Hành chính VP K61A1	7.23	2.56	Khá
22	1361708011	Hoàng Trường Việt	Vũ	11/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hành chính VP K61A1	6.98	2.5	Khá
23	1361708038	Lường Văn	Anh	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hành chính VP K61A2	7.06	2.63	Khá
24	1361708029	Sùng A	Bắc	14/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Hành chính VP K61A2	6.82	2.4	Trung bình
25	1361708024	Lường Văn	May	20/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hành chính VP K61A2	7.31	2.81	Khá
26	1361708023	Lò Thị Minh	Nguyệt	29/5/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Hành chính VP K61A2	7.17	2.63	Khá
27	1361708028	Sùng A	Tuấn	09/03/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Hành chính VP K61A2	6.79	2.46	Trung bình
28	1361714001	Cà Thị Hoàng	Anh	21/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Hướng dẫn DL K61A	8.28	3.43	Giỏi
29	1361714008	Cà Thị Thanh	Điệp	15/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Hướng dẫn DL K61A	8.23	3.39	Giỏi
30	1361714014	Lèo Như	Ngọc	24/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Hướng dẫn DL K61A	7.59	2.96	Khá
31	1361714002	Mùa A	Nụ	20/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Hướng dẫn DL K61A	7.3	2.75	Khá
32	1361714009	Tráng A	Phành	11/09/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Hướng dẫn DL K61A	8.03	3.25	Giỏi
33	1361714005	Sùng A	Phừ	07/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Hướng dẫn DL K61A	7.84	3.13	Giỏi
34	1361714006	Sùng A	Say	01/10/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Hướng dẫn DL K61A	7.98	3.34	Giỏi
35	1361714012	Lù Mạnh	Thỏa	16/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Hướng dẫn DL K61A	7.56	2.91	Khá
36	1361714021	Trần Việt	Tiến	07/10/2009	Hưng Yên	Nam	Kinh	TC Hướng dẫn DL K61A	7.43	2.8	Khá
37	1361538014	Lò Quốc	Bảo	06/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Pháp luật K61A1	7.52	2.88	Khá
38	1361538008	Cà Tiến	Đạt	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Pháp luật K61A1	7.55	2.89	Khá
39	1361538013	Tòng Văn	Đầy	30/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Pháp luật K61A1	7.24	2.66	Khá
40	1361538005	Lường Thị Thúy	Hồng	21/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Pháp luật K61A1	8.24	3.41	Giỏi
41	1361538002	Cà Thị Thảo	My	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Pháp luật K61A1	8.01	3.21	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
42	1361538012	Cà Duy	Nhật	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Pháp luật K61A1	7.15	2.63	Khá
43	1361538017	Tòng Văn	Phong	01/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Pháp luật K61A1	7.35	2.79	Khá
44	1361538010	Lò Thị Anh	Thư	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Pháp luật K61A1	7.99	3.13	Giỏi
45	1361538027	Sùng Bả	Chua	06/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Pháp luật K61A2	7.47	2.89	Khá
46	1361538024	Vũ Bảo	Long	11/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	TC Pháp luật K61A2	7.43	2.96	Khá
47	1361538030	Hà Trọng	Nghĩa	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Pháp luật K61A2	6.48	2.29	Trung bình
48	1361538023	Tòng Minh	Tân	29/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Pháp luật K61A2	6.82	2.5	Khá
49	1361538028	Quảng Mạnh	Trường	25/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Pháp luật K61A2	7.44	2.88	Khá
50	1361030028	Nông Thị Huyền	Cúc	06/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	6.96	2.46	Trung bình
51	1361030022	Quảng Khánh	Đạt	06/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản lý VH K61A	7.37	2.71	Khá
52	1361030033	Tòng Thị	Điệp	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	8.02	3.23	Giỏi
53	1361030026	Vương Thị Ngân	Hà	17/12/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	TC Quản lý VH K61A	7.16	2.6	Khá
54	1361030005	Lò Thị Thu	Hằng	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	7.27	2.71	Khá
55	1361030014	Lù Thanh	Hằng	09/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	7.77	2.96	Khá
56	1361030032	Lò Anh	Khang	22/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản lý VH K61A	6.52	2.29	Trung bình
57	1361030010	Hà Thị Tuyết	Mai	09/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	7.7	3.1	Giỏi
58	1361030003	Lò Thị Thanh	Nhàn	29/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	7.3	2.75	Khá
59	1361030011	Hà Thị Minh	Trang	10/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	7.48	3	Giỏi
60	1361030006	Lò Thị Thu	Trang	10/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	7.61	3.04	Giỏi
61	1361030016	Quảng Yển	Trang	05/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản lý VH K61A	7.52	2.87	Khá
62	1361030004	Thào Thị	Vú	14/12/2009	Sơn La	Nữ	Mông	TC Quản lý VH K61A	8	3.25	Giỏi
63	1361715015	Tòng Gia	Bảo	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản trị KS K61A1	7.51	2.83	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
64	1361715012	Cà Thị	Châm	04/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản trị KS K61A1	7.72	3.08	Giỏi
65	1361715008	Cà Thùy	Châm	03/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản trị KS K61A1	7.85	3.15	Giỏi
66	1361715018	Quàng Việt	Cường	26/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản trị KS K61A1	7.12	2.55	Khá
67	1361715004	Lò Thị Thúy	Hằng	04/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản trị KS K61A1	8.07	3.34	Giỏi
68	1361715010	Cà Gia	Khánh	24/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản trị KS K61A1	7.09	2.57	Khá
69	1361715007	Cà Thị Thảo	My	01/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản trị KS K61A1	8	3.28	Giỏi
70	1361715001	Quàng Thị Hằng	Nga	25/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản trị KS K61A1	8.02	3.28	Giỏi
71	1361715013	Tòng Thị Minh	Nguyệt	19/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản trị KS K61A1	7.67	3.04	Giỏi
72	1361715002	Lèo Thị	Nhung	20/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản trị KS K61A1	8.48	3.57	Xuất sắc
73	1361715006	Hà Nhật	Thiên	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản trị KS K61A1	7.09	2.72	Khá
74	1361715014	Cà Thị Ánh	Tuyết	07/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Quản trị KS K61A1	7.98	3.23	Giỏi
75	1361715037	INTHACHAK TIP		27/04/2004	U Đôm Xay	Nữ	Lào 2	TC Quản trị KS K61A2	7.43	2.96	Khá
76	1361715038	KHAMMASITH PHOU		18/05/2005	DUDOMXAY	Nữ	Lào 2	TC Quản trị KS K61A2	7.36	2.83	Khá
77	1361715031	Nguyễn Thành	Công	17/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	TC Quản trị KS K61A2	7.82	3.02	Giỏi
78	1361715028	Nguyễn Đức	Độ	19/02/2009	Sơn La	Nam	Kinh	TC Quản trị KS K61A2	8.02	3.17	Giỏi
79	1361715027	Nguyễn Việt	Đức	13/07/2009	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	TC Quản trị KS K61A2	7.2	2.62	Khá
80	1361715021	Đỗ Thị	Hồng	29/05/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	TC Quản trị KS K61A2	7.45	2.96	Khá
81	1361715023	Quàng Văn	Long	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản trị KS K61A2	6.81	2.45	Trung bình
82	1361715026	Lèo Văn	Ngọc	07/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản trị KS K61A2	7.57	3	Giỏi
83	1361715032	Quàng Thế	Nguyên	30/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Quản trị KS K61A2	7.28	2.74	Khá
84	1361705009	Hà Văn Quý	An	29/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ƯD K61A1	7.1	2.61	Khá
85	1361705010	Đinh Văn	Anh	28/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ƯD K61A1	7.1	2.67	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
86	1361705006	Hà Đức	Duy	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A1	7.12	2.71	Khá
87	1361705013	Lò Văn	Quân	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A1	6.79	2.44	Trung bình
88	1361705001	Giàng Thị	Sua	25/10/2009	Sơn La	Nữ	Mông	TC Tin học ỨD K61A1	7.86	3.14	Giỏi
89	1361705005	Sông A	Thắng	18/07/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Tin học ỨD K61A1	7.12	2.58	Khá
90	1361705016	Lù Lộc	Thành	22/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A1	8.06	3.29	Giỏi
91	1361705018	Tòng Trung	Thành	30/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A1	6.56	2.21	Trung bình
92	1361705017	Giàng A	Toán	15/12/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Tin học ỨD K61A1	6.4	2.12	Trung bình
93	1361705015	Lò Duy	Trọng	23/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A1	6.69	2.29	Trung bình
94	1361705008	Mùi Đức	Trọng	05/05/2008	Sơn La	Nam	Mường	TC Tin học ỨD K61A1	6.43	2.17	Trung bình
95	1361705004	Hà Văn	Tùng	16/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A1	6.44	2.15	Trung bình
96	1361705029	Cà Thế	Bạch	22/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A2	6.99	2.59	Khá
97	1361705019	Cà Hải	Đăng	16/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A2	6.6	2.26	Trung bình
98	1361705027	Cà Trung	Du	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A2	6.91	2.45	Trung bình
99	1361705034	Lò Hoàng	Đức	11/12/2008	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A2	6.88	2.44	Trung bình
100	1361705024	Vừ Chư	Hạ	01/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Tin học ỨD K61A2	7.56	2.92	Khá
101	1361705032	Phạm Quang	Hưng	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kinh	TC Tin học ỨD K61A2	6.66	2.3	Trung bình
102	1361705031	Lò Thị Thu	Huyền	20/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Tin học ỨD K61A2	7.48	2.82	Khá
103	1361705035	Hoàng Minh	Quân	09/09/2009	Sơn La	Nam	Kinh	TC Tin học ỨD K61A2	6.48	2.12	Trung bình
104	1361705021	Cà Văn	Quyển	23/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A2	6.7	2.36	Trung bình
105	1361705025	Phàng A	Sua	22/05/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Tin học ỨD K61A2	6.42	2.11	Trung bình
106	1361705022	Hoàng Đức	Tuấn	26/08/2008	Sơn La	Nam	Thái	TC Tin học ỨD K61A2	6.85	2.42	Trung bình
107	1361111004	Tòng Thị	Diện	14/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.71	2.98	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
108	1361111013	Lò Duy	Đình	24/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.69	3.08	Giỏi
109	1361111015	Lò Vũ	Duy	03/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	8.07	3.29	Giỏi
110	1361111014	Lèo Minh	Khang	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.54	3	Giỏi
111	1361111012	Hà Văn	Khánh	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	6.83	2.58	Khá
112	1361111006	Lò Thị An	Na	21/11/2008	Sơn La	Nữ	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.79	3.06	Giỏi
113	1361111002	Hà Bích	Ngọc	30/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC TT và BVTV K61A1	8.02	3.25	Giỏi
114	1361111011	Hà Đức	Nguyễn	23/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	8.09	3.23	Giỏi
115	1361111010	Quảng Thanh	Niệm	14/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.69	3	Giỏi
116	1361111009	Lò Văn	Phong	06/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.93	3.27	Giỏi
117	1361111016	Hà Thị Thùy	Tiên	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.56	2.9	Khá
118	1361111003	Hà Anh	Tuấn	27/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.49	2.88	Khá
119	1361111017	Lò Văn	Tùng	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	6.78	2.52	Khá
120	1361111001	Tòng Thị Ánh	Tuyết	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.28	2.75	Khá
121	1361111018	Lò Văn	Việt	29/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A1	7.26	2.85	Khá
122	1361111022	Tòng Minh	Đạt	01/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	6.83	2.44	Trung bình
123	1361111031	Lường Văn	Dũng	16/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.71	3.12	Giỏi
124	1361111033	Cà Văn	Hoàng	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.36	2.83	Khá
125	1361111030	Quảng Thanh	Lâm	05/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.2	2.62	Khá
126	1361111025	Lù Văn	Luân	07/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.63	3	Giỏi
127	1361111027	Lò Văn	Lý	21/05/2009	Sơn La	Nam	Xinh mun	TC TT và BVTV K61A2	7.13	2.6	Khá
128	1361111032	Tòng Văn	Oai	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.25	2.69	Khá
129	1361111026	Giàng A	Phử	05/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC TT và BVTV K61A2	7.78	3.06	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
130	1361111028	Lù Thị Hồng	Phước	30/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.21	2.63	Khá
131	1361111036	Quảng Văn	Quyên	14/11/1989	Sơn La	Nam	Kháng	TC TT và BVTV K61A2	7.59	3.08	Giỏi
132	1361111024	Hoàng Văn	Quyên	09/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.12	2.71	Khá
133	1361111020	Tòng Văn	Quỳnh	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.45	2.88	Khá
134	1361111023	Cà Tất	Thành	27/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	TC TT và BVTV K61A2	7.95	3.1	Giỏi
135	1361111035	Khoa Văn	Thức	02/01/2008	Sơn La	Nam	Khơ mú	TC TT và BVTV K61A2	7.11	2.69	Khá
136	1361111029	Lò Văn	Tiến	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kháng	TC TT và BVTV K61A2	7.62	3.04	Giỏi
137	1361707007	Tòng Thị Ngọc	Ánh	09/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	8	3.25	Giỏi
138	1361707001	Cà Thị Ngọc	Bích	09/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	7.73	3.05	Giỏi
139	1361707030	Sông Tiến	Dũng	01/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	TC Văn thư HC K61A	6.89	2.57	Khá
140	1361707022	Hoàng Thị	Huyền	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	7.04	2.61	Khá
141	1361707031	Hoàng	Ngân	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	7.01	2.59	Khá
142	1361707012	Cà Thị Bích	Nhật	01/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	7.46	2.89	Khá
143	1361707020	Cầm Thị Yến	Nhi	22/04/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	7.05	2.71	Khá
144	1361707010	Cà Quỳnh	Như	16/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	7.37	2.77	Khá
145	1361707009	Tòng Thị Tuyết	Như	03/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	7.37	2.93	Khá
146	1361707013	Lù Thị Hà	Vy	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	TC Văn thư HC K61A	7.58	2.98	Khá

Danh sách này có: 146 học sinh

Sơn La, ngày 10 tháng 07 năm 2026

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC TL (TB 10)	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)
-----	-------	----	-----	-----------	----------	-----------	---------	-----	---------------------------	--------------------------	-----------------------

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Dương Mạnh Linh

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2026**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY****KHỐI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026***(Kèm theo Biên bản số /BB-CĐSL ngày 10/07/2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
1	1361201020	Lường Hoàng	Anh	24/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	7.32	2.84	Khá
2	1361201006	Cà Nhật	Đăng	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.72	2.45	Trung bình
3	1361201007	Lèo Thành	Đạt	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.56	2.18	Trung bình
4	1361201010	Cà Thị	Diệp	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Dịch vụ pháp lý	7.4	2.78	Khá
5	1361201017	Hà Việt	Hưng	30/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.34	2.18	Trung bình
6	1361201019	Giàng A	Hương	06/01/2008	Sơn La	Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	7.5	2.95	Khá
7	1361201014	Hà Tường	Lân	10/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.8	2.45	Trung bình
8	1361201011	Hờ A	Nụ	07/04/2008	Sơn La	Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	7.56	2.95	Khá
9	1361201018	Trịnh Phạm Ngọc	Quỳnh	09/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Dịch vụ pháp lý	7.4	2.76	Khá
10	1361201009	Giàng A	Súa	19/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	7.37	2.91	Khá
11	1361201004	Cà Đức	Toàn	25/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	7.35	2.78	Khá
12	1361201003	Lò Thị Thu	Trang	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Dịch vụ pháp lý	7.6	2.96	Khá
13	1361201024	Hà Hải	Đăng	05/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.86	2.35	Trung bình
14	1361708014	Vì Quốc	Bảo	15/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.18	2.75	Khá
15	1361708005	Hoàng Tiến	Đạt	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	6.9	2.6	Khá
16	1361708017	Lường Văn	Hạnh	17/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.44	2.87	Khá
17	1361708004	Lò Việt	Hùng	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	6.98	2.52	Khá
18	1361708003	Cầm Thị Thu	Ngân	02/03/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.86	3.15	Giỏi
19	1361708007	Lò Duy	Nghĩa	22/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.19	2.65	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
20	1361708013	Lò Thị Mai	Nhàn	07/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.94	3.21	Giỏi
21	1361708016	Khoa Văn	Quỳnh	01/12/2009	Sơn La	Nam	Khơ mú	Hành chính văn phòng	7.23	2.56	Khá
22	1361708011	Hoàng Trường Việt	Vũ	11/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	6.98	2.5	Khá
23	1361708038	Lường Văn	Anh	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.06	2.63	Khá
24	1361708029	Sùng A	Bấn	14/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hành chính văn phòng	6.82	2.4	Trung bình
25	1361708024	Lường Văn	May	20/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.31	2.81	Khá
26	1361708023	Lò Thị Minh	Nguyệt	29/5/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.17	2.63	Khá
27	1361708028	Sông A	Tuấn	09/03/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hành chính văn phòng	6.79	2.46	Trung bình
28	1361714001	Cà Thị Hoàng	Anh	21/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	8.28	3.43	Giỏi
29	1361714008	Cà Thị Thanh	Điệp	15/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	8.23	3.39	Giỏi
30	1361714014	Lèo Như	Ngọc	24/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	7.59	2.96	Khá
31	1361714002	Mùa A	Nụ	20/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.3	2.75	Khá
32	1361714009	Tráng A	Phành	11/09/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	8.03	3.25	Giỏi
33	1361714005	Sông A	Phừ	07/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.84	3.13	Giỏi
34	1361714006	Sông A	Say	01/10/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.98	3.34	Giỏi
35	1361714012	Lù Mạnh	Thỏa	16/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hướng dẫn du lịch	7.56	2.91	Khá
36	1361714021	Trần Việt	Tiến	07/10/2009	Hưng Yên	Nam	Kinh	Hướng dẫn du lịch	7.43	2.8	Khá
37	1361538014	Lò Quốc	Bảo	06/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.52	2.88	Khá
38	1361538008	Cà Tiến	Đạt	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.55	2.89	Khá
39	1361538013	Tòng Văn	Đầy	30/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.24	2.66	Khá
40	1361538005	Lường Thị Thúy	Hồng	21/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	8.24	3.41	Giỏi
41	1361538002	Cà Thị Thảo	My	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	8.01	3.21	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
42	1361538012	Cà Duy	Nhật	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.15	2.63	Khá
43	1361538017	Tòng Văn	Phong	01/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.35	2.79	Khá
44	1361538010	Lò Thị Anh	Thư	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	7.99	3.13	Giỏi
45	1361538027	Sùng Bả	Chua	06/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Pháp luật	7.47	2.89	Khá
46	1361538024	Vũ Bảo	Long	11/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Pháp luật	7.43	2.96	Khá
47	1361538030	Hà Trọng	Nghĩa	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	6.48	2.29	Trung bình
48	1361538023	Tòng Minh	Tân	29/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	6.82	2.5	Khá
49	1361538028	Quảng Mạnh	Trường	25/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.44	2.88	Khá
50	1361030028	Nông Thị Huyền	Cúc	06/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	6.96	2.46	Trung bình
51	1361030022	Quảng Khánh	Đạt	06/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản lý văn hóa	7.37	2.71	Khá
52	1361030033	Tòng Thị	Điệp	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	8.02	3.23	Giỏi
53	1361030026	Vương Thị Ngân	Hà	17/12/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Quản lý văn hóa	7.16	2.6	Khá
54	1361030005	Lò Thị Thu	Hằng	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.27	2.71	Khá
55	1361030014	Lù Thanh	Hằng	09/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.77	2.96	Khá
56	1361030032	Lò Anh	Khang	22/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản lý văn hóa	6.52	2.29	Trung bình
57	1361030010	Hà Thị Tuyết	Mai	09/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.7	3.1	Giỏi
58	1361030003	Lò Thị Thanh	Nhàn	29/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.3	2.75	Khá
59	1361030011	Hà Thị Minh	Trang	10/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.48	3	Giỏi
60	1361030006	Lò Thị Thu	Trang	10/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.61	3.04	Giỏi
61	1361030016	Quảng Yển	Trang	05/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.52	2.87	Khá
62	1361030004	Thào Thị	Vú	14/12/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Quản lý văn hóa	8	3.25	Giỏi
63	1361715015	Tòng Gia	Bảo	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.51	2.83	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
64	1361715012	Cà Thị	Châm	04/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.72	3.08	Giỏi
65	1361715008	Cà Thùy	Châm	03/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.85	3.15	Giỏi
66	1361715018	Quảng Việt	Cường	26/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.12	2.55	Khá
67	1361715004	Lò Thị Thúy	Hằng	04/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.07	3.34	Giỏi
68	1361715010	Cà Gia	Khánh	24/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.09	2.57	Khá
69	1361715007	Cà Thị Thảo	My	01/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8	3.28	Giỏi
70	1361715001	Quảng Thị Hằng	Nga	25/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.02	3.28	Giỏi
71	1361715013	Tông Thị Minh	Nguyệt	19/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.67	3.04	Giỏi
72	1361715002	Lèo Thị	Nhung	20/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.48	3.57	Xuất sắc
73	1361715006	Hà Nhật	Thiên	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.09	2.72	Khá
74	1361715014	Cà Thị Ánh	Tuyết	07/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.98	3.23	Giỏi
75	1361715037	INTHACHAK TIP		27/04/2004	U Đôm Xay	Nữ	Lào 2	Quản trị khách sạn	7.43	2.96	Khá
76	1361715038	KHAMMASITH PHO		18/05/2005	OU DOM XAY	Nữ	Lào 2	Quản trị khách sạn	7.36	2.83	Khá
77	1361715031	Nguyễn Thành	Công	17/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	7.82	3.02	Giỏi
78	1361715028	Nguyễn Đức	Độ	19/02/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	8.02	3.17	Giỏi
79	1361715027	Nguyễn Việt	Đức	13/07/2009	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	7.2	2.62	Khá
80	1361715021	Đỗ Thị	Hồng	29/05/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	7.45	2.96	Khá
81	1361715023	Quảng Văn	Long	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	6.81	2.45	Trung bình
82	1361715026	Lèo Văn	Ngọc	07/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.57	3	Giỏi
83	1361715032	Quảng Thế	Nguyên	30/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.28	2.74	Khá
84	1361705009	Hà Văn Quý	An	29/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7.1	2.61	Khá
85	1361705010	Đinh Văn	Anh	28/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7.1	2.67	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
86	1361705006	Hà Đức	Duy	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7.12	2.71	Khá
87	1361705013	Lò Văn	Quân	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.79	2.44	Trung bình
88	1361705001	Giàng Thị	Sua	25/10/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Tin học ứng dụng	7.86	3.14	Giỏi
89	1361705005	Sông A	Thắng	18/07/2009	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	7.12	2.58	Khá
90	1361705016	Lù Lộc	Thành	22/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	8.06	3.29	Giỏi
91	1361705018	Tòng Trung	Thành	30/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.56	2.21	Trung bình
92	1361705017	Giàng A	Toán	15/12/2009	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	6.4	2.12	Trung bình
93	1361705015	Lò Duy	Trọng	23/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.69	2.29	Trung bình
94	1361705008	Mùi Đức	Trọng	05/05/2008	Sơn La	Nam	Mường	Tin học ứng dụng	6.43	2.17	Trung bình
95	1361705004	Hà Văn	Tùng	16/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.44	2.15	Trung bình
96	1361705029	Cà Thế	Bạch	22/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.99	2.59	Khá
97	1361705019	Cà Hải	Đăng	16/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.6	2.26	Trung bình
98	1361705027	Cà Trung	Du	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.91	2.45	Trung bình
99	1361705034	Lò Hoàng	Đức	11/12/2008	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.88	2.44	Trung bình
100	1361705024	Vừ Chư	Hạ	01/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	7.56	2.92	Khá
101	1361705032	Phạm Quang	Hưng	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	6.66	2.3	Trung bình
102	1361705031	Lò Thị Thu	Huyền	20/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Tin học ứng dụng	7.48	2.82	Khá
103	1361705035	Hoàng Minh	Quân	09/09/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	6.48	2.12	Trung bình
104	1361705021	Cà Văn	Quyển	23/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.7	2.36	Trung bình
105	1361705025	Phàng A	Sua	22/05/2009	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	6.42	2.11	Trung bình
106	1361705022	Hoàng Đức	Tuấn	26/08/2008	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.85	2.42	Trung bình
107	1361111004	Tòng Thị	Diện	14/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.71	2.98	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
108	1361111013	Lò Duy	Đình	24/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.69	3.08	Giỏi
109	1361111015	Lò Vũ	Duy	03/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.07	3.29	Giỏi
110	1361111014	Lèo Minh	Khang	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.54	3	Giỏi
111	1361111012	Hà Văn	Khánh	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.83	2.58	Khá
112	1361111006	Lò Thị An	Na	21/11/2008	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.79	3.06	Giỏi
113	1361111002	Hà Bích	Ngọc	30/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.02	3.25	Giỏi
114	1361111011	Hà Đức	Nguyễn	23/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.09	3.23	Giỏi
115	1361111010	Quảng Thanh	Niệm	14/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.69	3	Giỏi
116	1361111009	Lò Văn	Phong	06/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.93	3.27	Giỏi
117	1361111016	Hà Thị Thùy	Tiên	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.56	2.9	Khá
118	1361111003	Hà Anh	Tuấn	27/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.49	2.88	Khá
119	1361111017	Lò Văn	Tùng	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.78	2.52	Khá
120	1361111001	Tòng Thị Ánh	Tuyết	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.28	2.75	Khá
121	1361111018	Lò Văn	Việt	29/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.26	2.85	Khá
122	1361111022	Tòng Minh	Đạt	01/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.83	2.44	Trung bình
123	1361111031	Lường Văn	Dũng	16/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.71	3.12	Giỏi
124	1361111033	Cà Văn	Hoàng	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.36	2.83	Khá
125	1361111030	Quảng Thanh	Lâm	05/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.2	2.62	Khá
126	1361111025	Lù Văn	Luân	07/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.63	3	Giỏi
127	1361111027	Lò Văn	Lý	21/05/2009	Sơn La	Nam	Xinh mun	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.13	2.6	Khá
128	1361111032	Tòng Văn	Oai	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.25	2.69	Khá
129	1361111026	Giàng A	Phử	05/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.78	3.06	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
130	1361111028	Lù Thị Hồng	Phước	30/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.21	2.63	Khá
131	1361111036	Quảng Văn	Quyên	14/11/1989	Sơn La	Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.59	3.08	Giỏi
132	1361111024	Hoàng Văn	Quyên	09/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.12	2.71	Khá
133	1361111020	Tòng Văn	Quỳnh	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.45	2.88	Khá
134	1361111023	Cà Tất	Thành	27/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.95	3.1	Giỏi
135	1361111035	Khoa Văn	Thức	02/01/2008	Sơn La	Nam	Khơ mú	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.11	2.69	Khá
136	1361111029	Lò Văn	Tiến	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.62	3.04	Giỏi
137	1361707007	Tòng Thị Ngọc	Ánh	09/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	8	3.25	Giỏi
138	1361707001	Cà Thị Ngọc	Bích	09/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.73	3.05	Giỏi
139	1361707030	Sông Tiến	Dũng	01/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Văn thư hành chính	6.89	2.57	Khá
140	1361707022	Hoàng Thị	Huyền	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.04	2.61	Khá
141	1361707031	Hoàng	Ngân	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.01	2.59	Khá
142	1361707012	Cà Thị Bích	Nhật	01/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.46	2.89	Khá
143	1361707020	Cầm Thị Yến	Nhi	22/04/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.05	2.71	Khá
144	1361707010	Cà Quỳnh	Như	16/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.37	2.77	Khá
145	1361707009	Tòng Thị Tuyết	Như	03/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.37	2.93	Khá
146	1361707013	Lù Thị Hà	Vy	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.58	2.98	Khá

Danh sách này có: 146 học sinh

Sơn La, ngày 10 tháng 07 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
-----	-------	----	-----	-----------	----------	-----------	---------	-------	---------------------------	--------------------------	-----------------------

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI, XUẤT SẮC ĐỢT 3 NĂM 2026

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY

KHỐI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026

ĐỢT XÉT NGÀY 10/07/2026

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
1	1361708003	Cầm Thị Thu	Ngân	02/03/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.86	3.15	Giỏi
2	1361708013	Lò Thị Mai	Nhàn	07/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.94	3.21	Giỏi
3	1361714001	Cà Thị Hoàng	Anh	21/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	8.28	3.43	Giỏi
4	1361714008	Cà Thị Thanh	Điệp	15/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	8.23	3.39	Giỏi
5	1361714009	Tráng A	Phành	11/09/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	8.03	3.25	Giỏi
6	1361714005	Sông A	Phừ	07/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.84	3.13	Giỏi
7	1361714006	Sông A	Say	01/10/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.98	3.34	Giỏi
8	1361538005	Lường Thị Thúy	Hồng	21/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	8.24	3.41	Giỏi
9	1361538002	Cà Thị Thảo	My	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	8.01	3.21	Giỏi
10	1361538010	Lò Thị Anh	Thư	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	7.99	3.13	Giỏi
11	1361030033	Tòng Thị	Điệp	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	8.02	3.23	Giỏi
12	1361030010	Hà Thị Tuyết	Mai	09/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.7	3.1	Giỏi
13	1361030011	Hà Thị Minh	Trang	10/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.48	3	Giỏi
14	1361030006	Lò Thị Thu	Trang	10/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.61	3.04	Giỏi
15	1361030004	Thào Thị	Vú	14/12/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Quản lý văn hóa	8	3.25	Giỏi
16	1361715012	Cà Thị	Châm	04/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.72	3.08	Giỏi
17	1361715008	Cà Thùy	Châm	03/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.85	3.15	Giỏi
18	1361715004	Lò Thị Thúy	Hằng	04/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.07	3.34	Giỏi
19	1361715007	Cà Thị Thảo	My	01/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8	3.28	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
20	1361715001	Quảng Thị Hằng	Nga	25/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.02	3.28	Giỏi
21	1361715013	Tòng Thị Minh	Nguyệt	19/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.67	3.04	Giỏi
22	1361715002	Lèo Thị	Nhung	20/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.48	3.57	Xuất sắc
23	1361715014	Cà Thị Ánh	Tuyết	07/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.98	3.23	Giỏi
24	1361715031	Nguyễn Thành	Công	17/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	7.82	3.02	Giỏi
25	1361715028	Nguyễn Đức	Độ	19/02/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	8.02	3.17	Giỏi
26	1361715026	Lèo Văn	Ngọc	07/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.57	3	Giỏi
27	1361705001	Giàng Thị	Sua	25/10/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Tin học ứng dụng	7.86	3.14	Giỏi
28	1361705016	Lù Lộc	Thành	22/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	8.06	3.29	Giỏi
29	1361111013	Lò Duy	Đình	24/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.69	3.08	Giỏi
30	1361111015	Lò Vũ	Duy	03/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.07	3.29	Giỏi
31	1361111014	Lèo Minh	Khang	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.54	3	Giỏi
32	1361111006	Lò Thị An	Na	21/11/2008	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.79	3.06	Giỏi
33	1361111002	Hà Bích	Ngọc	30/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.02	3.25	Giỏi
34	1361111011	Hà Đức	Nguyễn	23/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.09	3.23	Giỏi
35	1361111010	Quảng Thanh	Niệm	14/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.69	3	Giỏi
36	1361111009	Lò Văn	Phong	06/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.93	3.27	Giỏi
37	1361111031	Lường Văn	Dũng	16/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.71	3.12	Giỏi
38	1361111025	Lù Văn	Luân	07/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.63	3	Giỏi
39	1361111026	Giàng A	Phử	05/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.78	3.06	Giỏi
40	1361111036	Quảng Văn	Quyên	14/11/1989	Sơn La	Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.59	3.08	Giỏi
41	1361111023	Cà Tất	Thành	27/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.95	3.1	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
42	1361111029	Lò Văn	Tiến	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.62	3.04	Giỏi
43	1361707007	Tòng Thị Ngọc	Ánh	09/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	8	3.25	Giỏi
44	1361707001	Cà Thị Ngọc	Bích	09/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.73	3.05	Giỏi

Danh sách này có: 44 học sinh

Sơn La, ngày 10 tháng 07 năm 2026

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Dương Mạnh Linh

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI, XUẤT SẮC ĐỢT 3 NĂM 2026

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY

KHỐI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026

(Kèm theo Biên bản số /BB-CĐSL ngày 10/07/2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
1	1361708003	Cầm Thị Thu	Ngân	02/03/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.86	3.15	Giỏi
2	1361708013	Lò Thị Mai	Nhàn	07/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.94	3.21	Giỏi
3	1361714001	Cà Thị Hoàng	Anh	21/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	8.28	3.43	Giỏi
4	1361714008	Cà Thị Thanh	Điệp	15/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	8.23	3.39	Giỏi
5	1361714009	Tráng A	Phành	11/09/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	8.03	3.25	Giỏi
6	1361714005	Sông A	Phừ	07/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.84	3.13	Giỏi
7	1361714006	Sông A	Say	01/10/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.98	3.34	Giỏi
8	1361538005	Lường Thị Thúy	Hồng	21/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	8.24	3.41	Giỏi
9	1361538002	Cà Thị Thảo	My	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	8.01	3.21	Giỏi
10	1361538010	Lò Thị Anh	Thư	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	7.99	3.13	Giỏi
11	1361030033	Tòng Thị	Điệp	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	8.02	3.23	Giỏi
12	1361030010	Hà Thị Tuyết	Mai	09/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.7	3.1	Giỏi
13	1361030011	Hà Thị Minh	Trang	10/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.48	3	Giỏi
14	1361030006	Lò Thị Thu	Trang	10/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.61	3.04	Giỏi
15	1361030004	Thào Thị	Vú	14/12/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Quản lý văn hóa	8	3.25	Giỏi
16	1361715012	Cà Thị	Châm	04/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.72	3.08	Giỏi
17	1361715008	Cà Thùy	Châm	03/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.85	3.15	Giỏi
18	1361715004	Lò Thị Thúy	Hằng	04/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.07	3.34	Giỏi
19	1361715007	Cà Thị Thảo	My	01/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8	3.28	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TD 10)	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại TN (TD 4)
20	1361715001	Quảng Thị Hằng	Nga	25/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.02	3.28	Giỏi
21	1361715013	Tòng Thị Minh	Nguyệt	19/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.67	3.04	Giỏi
22	1361715002	Lèo Thị	Nhung	20/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.48	3.57	Xuất sắc
23	1361715014	Cà Thị Ánh	Tuyết	07/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.98	3.23	Giỏi
24	1361715031	Nguyễn Thành	Công	17/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	7.82	3.02	Giỏi
25	1361715028	Nguyễn Đức	Độ	19/02/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	8.02	3.17	Giỏi
26	1361715026	Lèo Văn	Ngọc	07/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.57	3	Giỏi
27	1361705001	Giàng Thị	Sua	25/10/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Tin học ứng dụng	7.86	3.14	Giỏi
28	1361705016	Lù Lộc	Thành	22/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	8.06	3.29	Giỏi
29	1361111013	Lò Duy	Đình	24/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.69	3.08	Giỏi
30	1361111015	Lò Vũ	Duy	03/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.07	3.29	Giỏi
31	1361111014	Lèo Minh	Khang	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.54	3	Giỏi
32	1361111006	Lò Thị An	Na	21/11/2008	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.79	3.06	Giỏi
33	1361111002	Hà Bích	Ngọc	30/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.02	3.25	Giỏi
34	1361111011	Hà Đức	Nguyễn	23/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.09	3.23	Giỏi
35	1361111010	Quảng Thanh	Niệm	14/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.69	3	Giỏi
36	1361111009	Lò Văn	Phong	06/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.93	3.27	Giỏi
37	1361111031	Lường Văn	Dũng	16/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.71	3.12	Giỏi
38	1361111025	Lù Văn	Luân	07/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.63	3	Giỏi
39	1361111026	Giàng A	Phử	05/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.78	3.06	Giỏi
40	1361111036	Quảng Văn	Quyên	14/11/1989	Sơn La	Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.59	3.08	Giỏi
41	1361111023	Cà Tất	Thành	27/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.95	3.1	Giỏi

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)
42	1361111029	Lò Văn	Tiến	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.62	3.04	Giỏi
43	1361707007	Tòng Thị Ngọc	Ánh	09/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	8	3.25	Giỏi
44	1361707001	Cà Thị Ngọc	Bích	09/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.73	3.05	Giỏi

Danh sách này có: 44 học sinh

Sơn La, ngày 10 tháng 07 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2026**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY****KHỐI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDSL ngày 10/07/2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)
1	1361201020	Lường Hoàng	Anh	24/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	7.32	2.84
2	1361201006	Cà Nhật	Đăng	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.72	2.45
3	1361201007	Lèo Thành	Đạt	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.56	2.18
4	1361201010	Cà Thị	Diệp	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Dịch vụ pháp lý	7.4	2.78
5	1361201017	Hà Việt	Hưng	30/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.34	2.18
6	1361201019	Giàng A	Hương	06/01/2008	Sơn La	Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	7.5	2.95
7	1361201014	Hà Tường	Lân	10/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.8	2.45
8	1361201011	Hờ A	Nụ	07/04/2008	Sơn La	Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	7.56	2.95
9	1361201018	Trịnh Phạm Ngọc	Quỳnh	09/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Dịch vụ pháp lý	7.4	2.76
10	1361201009	Giàng A	Súa	19/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	7.37	2.91
11	1361201004	Cà Đức	Toàn	25/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	7.35	2.78
12	1361201003	Lò Thị Thu	Trang	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Dịch vụ pháp lý	7.6	2.96
13	1361201024	Hà Hải	Đăng	05/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	6.86	2.35
14	1361708014	Vì Quốc	Bảo	15/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.18	2.75
15	1361708005	Hoàng Tiến	Đạt	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	6.9	2.6
16	1361708017	Lường Văn	Hạnh	17/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.44	2.87
17	1361708004	Lò Việt	Hùng	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	6.98	2.52
18	1361708003	Cầm Thị Thu	Ngân	02/03/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.86	3.15
19	1361708007	Lò Duy	Nghĩa	22/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.19	2.65

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)
20	1361708013	Lò Thị Mai	Nhàn	07/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.94	3.21
21	1361708016	Khoa Văn	Quỳnh	01/12/2009	Sơn La	Nam	Khơ mú	Hành chính văn phòng	7.23	2.56
22	1361708011	Hoàng Trường Việt	Vũ	11/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	6.98	2.5
23	1361708038	Lường Văn	Anh	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.06	2.63
24	1361708029	Sùng A	Bắc	14/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hành chính văn phòng	6.82	2.4
25	1361708024	Lường Văn	May	20/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hành chính văn phòng	7.31	2.81
26	1361708023	Lò Thị Minh	Nguyệt	29/5/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7.17	2.63
27	1361708028	Sông A	Tuấn	09/03/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hành chính văn phòng	6.79	2.46
28	1361714001	Cà Thị Hoàng	Anh	21/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	8.28	3.43
29	1361714008	Cà Thị Thanh	Diệp	15/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	8.23	3.39
30	1361714014	Lèo Như	Ngọc	24/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	7.59	2.96
31	1361714002	Mùa A	Nụ	20/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.3	2.75
32	1361714009	Tráng A	Phành	11/09/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	8.03	3.25
33	1361714005	Sông A	Phừ	07/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.84	3.13
34	1361714006	Sông A	Say	01/10/2009	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	7.98	3.34
35	1361714012	Lù Mạnh	Thỏa	16/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Hướng dẫn du lịch	7.56	2.91
36	1361714021	Trần Việt	Tiến	07/10/2009	Hưng Yên	Nam	Kinh	Hướng dẫn du lịch	7.43	2.8
37	1361538014	Lò Quốc	Bảo	06/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.52	2.88
38	1361538008	Cà Tiến	Đạt	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.55	2.89
39	1361538013	Tòng Văn	Đầy	30/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.24	2.66
40	1361538005	Lường Thị Thúy	Hồng	21/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	8.24	3.41
41	1361538002	Cà Thị Thảo	My	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	8.01	3.21

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)
42	1361538012	Cà Duy	Nhật	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.15	2.63
43	1361538017	Tòng Văn	Phong	01/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.35	2.79
44	1361538010	Lò Thị Anh	Thư	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Pháp luật	7.99	3.13
45	1361538027	Sùng Bả	Chua	06/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Pháp luật	7.47	2.89
46	1361538024	Vũ Bảo	Long	11/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Pháp luật	7.43	2.96
47	1361538030	Hà Trọng	Nghĩa	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	6.48	2.29
48	1361538023	Tòng Minh	Tân	29/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	6.82	2.5
49	1361538028	Quảng Mạnh	Trường	25/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Pháp luật	7.44	2.88
50	1361030028	Nông Thị Huyền	Cúc	06/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	6.96	2.46
51	1361030022	Quảng Khánh	Đạt	06/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản lý văn hóa	7.37	2.71
52	1361030033	Tòng Thị	Điệp	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	8.02	3.23
53	1361030026	Vương Thị Ngân	Hà	17/12/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Quản lý văn hóa	7.16	2.6
54	1361030005	Lò Thị Thu	Hằng	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.27	2.71
55	1361030014	Lù Thanh	Hằng	09/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.77	2.96
56	1361030032	Lò Anh	Khang	22/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản lý văn hóa	6.52	2.29
57	1361030010	Hà Thị Tuyết	Mai	09/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.7	3.1
58	1361030003	Lò Thị Thanh	Nhàn	29/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.3	2.75
59	1361030011	Hà Thị Minh	Trang	10/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.48	3
60	1361030006	Lò Thị Thu	Trang	10/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.61	3.04
61	1361030016	Quảng Yển	Trang	05/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	7.52	2.87
62	1361030004	Thào Thị	Vú	14/12/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Quản lý văn hóa	8	3.25
63	1361715015	Tòng Gia	Bảo	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.51	2.83

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)
64	1361715012	Cà Thị	Châm	04/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.72	3.08
65	1361715008	Cà Thùy	Châm	03/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.85	3.15
66	1361715018	Quảng Việt	Cường	26/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.12	2.55
67	1361715004	Lò Thị Thúy	Hằng	04/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.07	3.34
68	1361715010	Cà Gia	Khánh	24/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.09	2.57
69	1361715007	Cà Thị Thảo	My	01/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8	3.28
70	1361715001	Quảng Thị Hằng	Nga	25/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.02	3.28
71	1361715013	Tông Thị Minh	Nguyệt	19/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.67	3.04
72	1361715002	Lèo Thị	Nhung	20/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	8.48	3.57
73	1361715006	Hà Nhật	Thiên	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.09	2.72
74	1361715014	Cà Thị Ánh	Tuyết	07/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	7.98	3.23
75	1361715037	INTHACHAK TIP		27/04/2004	U Đôm Xay	Nữ	Lào 2	Quản trị khách sạn	7.43	2.96
76	1361715038	KHAMMASITH PHOUDPANY		18/05/2005	OUDOMXAY	Nữ	Lào 2	Quản trị khách sạn	7.36	2.83
77	1361715031	Nguyễn Thành	Công	17/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	7.82	3.02
78	1361715028	Nguyễn Đức	Độ	19/02/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	8.02	3.17
79	1361715027	Nguyễn Việt	Đức	13/07/2009	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	7.2	2.62
80	1361715021	Đỗ Thị	Hồng	29/05/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	7.45	2.96
81	1361715023	Quảng Văn	Long	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	6.81	2.45
82	1361715026	Lèo Văn	Ngọc	07/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.57	3
83	1361715032	Quảng Thế	Nguyên	30/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị khách sạn	7.28	2.74
84	1361705009	Hà Văn Quý	An	29/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7.1	2.61
85	1361705010	Đinh Văn	Anh	28/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7.1	2.67

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)
86	1361705006	Hà Đức	Duy	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7.12	2.71
87	1361705013	Lò Văn	Quân	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.79	2.44
88	1361705001	Giàng Thị	Sua	25/10/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Tin học ứng dụng	7.86	3.14
89	1361705005	Sông A	Thắng	18/07/2009	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	7.12	2.58
90	1361705016	Lù Lộc	Thành	22/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	8.06	3.29
91	1361705018	Tòng Trung	Thành	30/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.56	2.21
92	1361705017	Giàng A	Toán	15/12/2009	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	6.4	2.12
93	1361705015	Lò Duy	Trọng	23/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.69	2.29
94	1361705008	Mùi Đức	Trọng	05/05/2008	Sơn La	Nam	Mường	Tin học ứng dụng	6.43	2.17
95	1361705004	Hà Văn	Tùng	16/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.44	2.15
96	1361705029	Cà Thế	Bạch	22/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.99	2.59
97	1361705019	Cà Hải	Đăng	16/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.6	2.26
98	1361705027	Cà Trung	Du	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.91	2.45
99	1361705034	Lò Hoàng	Đức	11/12/2008	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.88	2.44
100	1361705024	Vừ Chư	Hạ	01/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	7.56	2.92
101	1361705032	Phạm Quang	Hưng	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	6.66	2.3
102	1361705031	Lò Thị Thu	Huyền	20/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Tin học ứng dụng	7.48	2.82
103	1361705035	Hoàng Minh	Quân	09/09/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	6.48	2.12
104	1361705021	Cà Văn	Quyển	23/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.7	2.36
105	1361705025	Phàng A	Sua	22/05/2009	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	6.42	2.11
106	1361705022	Hoàng Đức	Tuấn	26/08/2008	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6.85	2.42
107	1361111004	Tòng Thị	Diện	14/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.71	2.98

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)
108	1361111013	Lò Duy	Đình	24/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.69	3.08
109	1361111015	Lò Vũ	Duy	03/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.07	3.29
110	1361111014	Lèo Minh	Khang	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.54	3
111	1361111012	Hà Văn	Khánh	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.83	2.58
112	1361111006	Lò Thị An	Na	21/11/2008	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.79	3.06
113	1361111002	Hà Bích	Ngọc	30/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.02	3.25
114	1361111011	Hà Đức	Nguyễn	23/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.09	3.23
115	1361111010	Quảng Thanh	Niệm	14/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.69	3
116	1361111009	Lò Văn	Phong	06/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.93	3.27
117	1361111016	Hà Thị Thùy	Tiên	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.56	2.9
118	1361111003	Hà Anh	Tuấn	27/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.49	2.88
119	1361111017	Lò Văn	Tùng	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.78	2.52
120	1361111001	Tòng Thị Ánh	Tuyết	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.28	2.75
121	1361111018	Lò Văn	Việt	29/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.26	2.85
122	1361111022	Tòng Minh	Đạt	01/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.83	2.44
123	1361111031	Lường Văn	Dũng	16/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.71	3.12
124	1361111033	Cà Văn	Hoàng	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.36	2.83
125	1361111030	Quảng Thanh	Lâm	05/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.2	2.62
126	1361111025	Lù Văn	Luân	07/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.63	3
127	1361111027	Lò Văn	Lý	21/05/2009	Sơn La	Nam	Xinh mun	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.13	2.6
128	1361111032	Tòng Văn	Oai	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.25	2.69
129	1361111026	Giàng A	Phử	05/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.78	3.06

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)
130	1361111028	Lù Thị Hồng	Phước	30/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.21	2.63
131	1361111036	Quảng Văn	Quyên	14/11/1989	Sơn La	Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.59	3.08
132	1361111024	Hoàng Văn	Quyên	09/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.12	2.71
133	1361111020	Tòng Văn	Quỳnh	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.45	2.88
134	1361111023	Cà Tất	Thành	27/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.95	3.1
135	1361111035	Khoa Văn	Thức	02/01/2008	Sơn La	Nam	Khơ mú	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.11	2.69
136	1361111029	Lò Văn	Tiến	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.62	3.04
137	1361707007	Tòng Thị Ngọc	Ánh	09/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	8	3.25
138	1361707001	Cà Thị Ngọc	Bích	09/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.73	3.05
139	1361707030	Sông Tiến	Dũng	01/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Văn thư hành chính	6.89	2.57
140	1361707022	Hoàng Thị	Huyền	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.04	2.61
141	1361707031	Hoàng	Ngân	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.01	2.59
142	1361707012	Cà Thị Bích	Nhật	01/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.46	2.89
143	1361707020	Cầm Thị Yến	Nhi	22/04/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.05	2.71
144	1361707010	Cà Quỳnh	Như	16/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.37	2.77
145	1361707009	Tòng Thị Tuyết	Như	03/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.37	2.93
146	1361707013	Lù Thị Hà	Vy	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Văn thư hành chính	7.58	2.98

Danh sách này có: 146 học sinh

Xếp loại TN (TB 4)
Khá
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Khá
Trung bình
Khá
Khá
Khá
Khá
Khá
Trung bình
Khá
Khá
Khá
Khá
Giỏi
Khá

Xếp loại TN (TB 4)
Giỏi
Khá
Khá
Khá
Trung bình
Khá
Khá
Trung bình
Giỏi
Giỏi
Khá
Khá
Giỏi
Giỏi
Giỏi
Khá
Khá
Khá
Khá
Khá
Giỏi
Giỏi

Xếp loại TN (TB 4)
Khá
Khá
Giỏi
Khá
Khá
Trung bình
Khá
Khá
Trung bình
Khá
Giỏi
Khá
Khá
Khá
Trung bình
Giỏi
Khá
Giỏi
Giỏi
Khá
Giỏi
Khá

Xếp loại TN (TB 4)
Giỏi
Giỏi
Khá
Giỏi
Khá
Giỏi
Giỏi
Giỏi
Xuất sắc
Khá
Giỏi
Khá
Khá
Giỏi
Giỏi
Khá
Khá
Trung bình
Giỏi
Khá
Khá
Khá

Xếp loại TN (TB 4)
Khá
Trung bình
Giỏi
Khá
Giỏi
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá

Xếp loại TN (TB 4)
Giỏi
Giỏi
Giỏi
Khá
Giỏi
Giỏi
Giỏi
Giỏi
Giỏi
Khá
Khá
Khá
Khá
Khá
Trung bình
Giỏi
Khá
Khá
Giỏi
Khá
Khá
Giỏi

Xếp loại TN (TB 4)
Khá
Giỏi
Khá
Khá
Giỏi
Khá
Giỏi
Giỏi
Giỏi
Khá
Khá
Khá
Khá
Khá
Khá
Khá
Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Column5
1	1361201020	Lường Hoàng	Anh	Lường Hoàng Anh
2	1361201006	Cà Nhật	Đăng	Cà Nhật Đăng
3	1361201007	Lèo Thành	Đạt	Lèo Thành Đạt
4	1361201010	Cà Thị	Diệp	Cà Thị Diệp
5	1361201017	Hà Việt	Hưng	Hà Việt Hưng
6	1361201019	Giảng A	Hương	Giảng A Hương
7	1361201014	Hà Tường	Lân	Hà Tường Lân
8	1361201011	Hồ A	Nụ	Hồ A Nụ
9	1361201018	Trịnh Phạm Ngọc	Quỳnh	Trịnh Phạm Ngọc Quỳnh
10	1361201009	Giảng A	Súa	Giảng A Súa
11	1361201004	Cà Đức	Toàn	Cà Đức Toàn
12	1361201003	Lò Thị Thu	Trang	Lò Thị Thu Trang
13	1361201024	Hà Hải	Đăng	Hà Hải Đăng
14	1361708014	Vì Quốc	Bảo	Vì Quốc Bảo
15	1361708005	Hoàng Tiến	Đạt	Hoàng Tiến Đạt
16	1361708017	Lường Văn	Hạnh	Lường Văn Hạnh
17	1361708004	Lò Việt	Hùng	Lò Việt Hùng
18	1361708003	Cầm Thị Thu	Ngân	Cầm Thị Thu Ngân
19	1361708007	Lò Duy	Nghĩa	Lò Duy Nghĩa
20	1361708013	Lò Thị Mai	Nhàn	Lò Thị Mai Nhàn
21	1361708016	Khoa Văn	Quỳnh	Khoa Văn Quỳnh
22	1361708011	Hoàng Trường Việt	Vũ	Hoàng Trường Việt Vũ
23	1361708038	Lường Văn	Anh	Lường Văn Anh
24	1361708029	Sùng A	Bán	Sùng A Bán
25	1361708024	Lường Văn	May	Lường Văn May
26	1361708023	Lò Thị Minh	Nguyệt	Lò Thị Minh Nguyệt

27	1361708028	Sòng A	Tuấn	Sòng A Tuấn
28	1361714001	Cà Thị Hoàng	Anh	Cà Thị Hoàng Anh
29	1361714008	Cà Thị Thanh	Điệp	Cà Thị Thanh Điệp
30	1361714014	Lèo Như	Ngọc	Lèo Như Ngọc
31	1361714002	Mùa A	Nụ	Mùa A Nụ
32	1361714009	Tráng A	Phành	Tráng A Phành
33	1361714005	Sòng A	Phừ	Sòng A Phừ
34	1361714006	Sòng A	Say	Sòng A Say
35	1361714012	Lù Mạnh	Thỏa	Lù Mạnh Thỏa
36	1361714021	Trần Việt	Tiến	Trần Việt Tiến
37	1361538014	Lò Quốc	Bảo	Lò Quốc Bảo
38	1361538008	Cà Tiến	Đạt	Cà Tiến Đạt
39	1361538013	Tòng Văn	Đầy	Tòng Văn Đầy
40	1361538005	Lường Thị Thúy	Hồng	Lường Thị Thúy Hồng
41	1361538002	Cà Thị Thảo	My	Cà Thị Thảo My
42	1361538012	Cà Duy	Nhật	Cà Duy Nhật
43	1361538017	Tòng Văn	Phong	Tòng Văn Phong
44	1361538010	Lò Thị Anh	Thư	Lò Thị Anh Thư
45	1361538027	Sùng Bả	Chua	Sùng Bả Chua
46	1361538024	Vũ Bảo	Long	Vũ Bảo Long
47	1361538030	Hà Trọng	Nghĩa	Hà Trọng Nghĩa
48	1361538023	Tòng Minh	Tân	Tòng Minh Tân
49	1361538028	Quảng Mạnh	Trường	Quảng Mạnh Trường
50	1361030028	Nông Thị Huyền	Cúc	Nông Thị Huyền Cúc
51	1361030022	Quảng Khánh	Đạt	Quảng Khánh Đạt
52	1361030033	Tòng Thị	Điệp	Tòng Thị Điệp
53	1361030026	Vương Thị Ngân	Hà	Vương Thị Ngân Hà

54	1361030005	Lò Thị Thu	Hằng	Lò Thị Thu Hằng
55	1361030014	Lù Thanh	Hằng	Lù Thanh Hằng
56	1361030032	Lò Anh	Khang	Lò Anh Khang
57	1361030010	Hà Thị Tuyết	Mai	Hà Thị Tuyết Mai
58	1361030003	Lò Thị Thanh	Nhàn	Lò Thị Thanh Nhàn
59	1361030011	Hà Thị Minh	Trang	Hà Thị Minh Trang
60	1361030006	Lò Thị Thu	Trang	Lò Thị Thu Trang
61	1361030016	Quảng Yến	Trang	Quảng Yến Trang
62	1361030004	Thào Thị	Vú	Thào Thị Vú
63	1361715015	Tòng Gia	Bảo	Tòng Gia Bảo
64	1361715012	Cà Thị	Châm	Cà Thị Châm
65	1361715008	Cà Thùy	Châm	Cà Thùy Châm
66	1361715018	Quảng Việt	Cường	Quảng Việt Cường
67	1361715004	Lò Thị Thúy	Hằng	Lò Thị Thúy Hằng
68	1361715010	Cà Gia	Khánh	Cà Gia Khánh
69	1361715007	Cà Thị Thảo	My	Cà Thị Thảo My
70	1361715001	Quảng Thị Hằng	Nga	Quảng Thị Hằng Nga
71	1361715013	Tòng Thị Minh	Nguyệt	Tòng Thị Minh Nguyệt
72	1361715002	Lèo Thị	Nhung	Lèo Thị Nhung
73	1361715006	Hà Nhật	Thiên	Hà Nhật Thiên
74	1361715014	Cà Thị Ánh	Tuyết	Cà Thị Ánh Tuyết
75	1361715037	INTHACHAK TIP		INTHACHAK TIP
76	1361715038	KHAMMASITH PHOUDPA		KHAMMASITH PHOUDPAN
77	1361715031	Nguyễn Thành	Công	Nguyễn Thành Công
78	1361715028	Nguyễn Đức	Độ	Nguyễn Đức Độ
79	1361715027	Nguyễn Việt	Đức	Nguyễn Việt Đức

80	1361715021	Đỗ Thị	Hồng	Đỗ Thị Hồng
81	1361715023	Quàng Văn	Long	Quàng Văn Long
82	1361715026	Lèo Văn	Ngọc	Lèo Văn Ngọc
83	1361715032	Quàng Thế	Nguyên	Quàng Thế Nguyên
84	1361705009	Hà Văn Quý	An	Hà Văn Quý An
85	1361705010	Đinh Văn	Anh	Đinh Văn Anh
86	1361705006	Hà Đức	Duy	Hà Đức Duy
87	1361705013	Lò Văn	Quân	Lò Văn Quân
88	1361705001	Giàng Thị	Sua	Giàng Thị Sua
89	1361705005	Sông A	Thắng	Sông A Thắng
90	1361705016	Lù Lộc	Thành	Lù Lộc Thành
91	1361705018	Tòng Trung	Thành	Tòng Trung Thành
92	1361705017	Giàng A	Toán	Giàng A Toán
93	1361705015	Lò Duy	Trọng	Lò Duy Trọng
94	1361705008	Mùi Đức	Trọng	Mùi Đức Trọng
95	1361705004	Hà Văn	Tùng	Hà Văn Tùng
96	1361705029	Cà Thế	Bạch	Cà Thế Bạch
97	1361705019	Cà Hải	Đăng	Cà Hải Đăng
98	1361705027	Cà Trung	Du	Cà Trung Du
99	1361705034	Lò Hoàng	Đức	Lò Hoàng Đức
100	1361705024	Vừ Chư	Hạ	Vừ Chư Hạ
101	1361705032	Phạm Quang	Hưng	Phạm Quang Hưng
102	1361705031	Lò Thị Thu	Huyền	Lò Thị Thu Huyền
103	1361705035	Hoàng Minh	Quân	Hoàng Minh Quân
104	1361705021	Cà Văn	Quyển	Cà Văn Quyển
105	1361705025	Phàng A	Sua	Phàng A Sua
106	1361705022	Hoàng Đức	Tuấn	Hoàng Đức Tuấn

107	1361111004	Tòng Thị	Diện	Tòng Thị Diện
108	1361111013	Lò Duy	Đình	Lò Duy Đình
109	1361111015	Lò Vũ	Duy	Lò Vũ Duy
110	1361111014	Lèo Minh	Khang	Lèo Minh Khang
111	1361111012	Hà Văn	Khánh	Hà Văn Khánh
112	1361111006	Lò Thị An	Na	Lò Thị An Na
113	1361111002	Hà Bích	Ngọc	Hà Bích Ngọc
114	1361111011	Hà Đức	Nguyễn	Hà Đức Nguyễn
115	1361111010	Quảng Thanh	Niệm	Quảng Thanh Niệm
116	1361111009	Lò Văn	Phong	Lò Văn Phong
117	1361111016	Hà Thị Thùy	Tiên	Hà Thị Thùy Tiên
118	1361111003	Hà Anh	Tuấn	Hà Anh Tuấn
119	1361111017	Lò Văn	Tùng	Lò Văn Tùng
120	1361111001	Tòng Thị Ánh	Tuyết	Tòng Thị Ánh Tuyết
121	1361111018	Lò Văn	Việt	Lò Văn Việt
122	1361111022	Tòng Minh	Đạt	Tòng Minh Đạt
123	1361111031	Lường Văn	Dũng	Lường Văn Dũng
124	1361111033	Cà Văn	Hoàng	Cà Văn Hoàng
125	1361111030	Quảng Thanh	Lâm	Quảng Thanh Lâm
126	1361111025	Lù Văn	Luân	Lù Văn Luân
127	1361111027	Lò Văn	Lý	Lò Văn Lý
128	1361111032	Tòng Văn	Oai	Tòng Văn Oai
129	1361111026	Giàng A	Phử	Giàng A Phử
130	1361111028	Lù Thị Hồng	Phước	Lù Thị Hồng Phước
131	1361111036	Quảng Văn	Quyên	Quảng Văn Quyên
132	1361111024	Hoàng Văn	Quyền	Hoàng Văn Quyền
133	1361111020	Tòng Văn	Quynh	Tòng Văn Quynh

134	1361111023	Cà Tất	Thành	Cà Tất Thành
135	1361111035	Khoa Văn	Thức	Khoa Văn Thức
136	1361111029	Lò Văn	Tiến	Lò Văn Tiến
137	1361707007	Tòng Thị Ngọc	Ánh	Tòng Thị Ngọc Ánh
138	1361707001	Cà Thị Ngọc	Bích	Cà Thị Ngọc Bích
139	1361707030	Sòng Tiến	Dũng	Sòng Tiến Dũng
140	1361707022	Hoàng Thị	Huyền	Hoàng Thị Huyền
141	1361707031	Hoàng	Ngân	Hoàng Ngân
142	1361707012	Cà Thị Bích	Nhật	Cà Thị Bích Nhật
143	1361707020	Cầm Thị Yến	Nhi	Cầm Thị Yến Nhi
144	1361707010	Cà Quỳnh	Như	Cà Quỳnh Như
145	1361707009	Tòng Thị Tuyết	Như	Tòng Thị Tuyết Như
146	1361707013	Lù Thị Hà	Vy	Lù Thị Hà Vy

Danh sách này có: 146 học sinh

Họ tên tiếng Việt	Họ tên tiếng Anh	Ngày sinh	Ngày sinh tiếng Việt	Ngày sinh tiếng Anh	Nơi sinh
Lường Hoàng Anh	Luong Hoang Anh	24/11/2009	24/11/2009	24 November 2009	Sơn La
Cà Nhật Đăng	Ca Nhat Dang	07/07/2009	07/7/2009	07 July 2009	Sơn La
Lèo Thành Đạt	Leo Thanh Dat	14/11/2009	14/11/2009	14 November 2009	Sơn La
Cà Thị Diệp	Ca Thi Diep	05/08/2009	05/8/2009	05 August 2009	Sơn La
Hà Việt Hưng	Ha Viet Hung	30/06/2009	30/6/2009	30 June 2009	Sơn La
Giàng A Hương	Giang A Huong	06/01/2008	06/01/2008	06 January 2008	Sơn La
Hà Tường Lân	Ha Tuong Lan	10/03/2009	10/3/2009	10 March 2009	Sơn La
Hồ A Nụ	Ho A Nu	07/04/2008	07/4/2008	07 April 2008	Sơn La
Trịnh Phạm Ngọc Quỳnh	Trinh Pham Ngoc Quynh	09/02/2009	09/02/2009	09 February 2009	Lâm Đông
Giàng A Súa	Giang A Sua	19/11/2009	19/11/2009	19 November 2009	Sơn La
Cà Đức Toàn	Ca Duc Toan	25/03/2009	25/3/2009	25 March 2009	Sơn La
Lò Thị Thu Trang	Lo Thi Thu Trang	27/02/2009	27/02/2009	27 February 2009	Sơn La
Hà Hải Đăng	Ha Hai Dang	05/09/2009	05/9/2009	05 September 2009	Sơn La
Vì Quốc Bảo	Vi Quoc Bao	15/04/2009	15/4/2009	15 April 2009	Sơn La
Hoàng Tiến Đạt	Hoang Tien Dat	25/10/2009	25/10/2009	25 October 2009	Sơn La
Lường Văn Hạnh	Luong Van Hanh	17/11/2009	17/11/2009	17 November 2009	Sơn La
Lò Việt Hùng	Lo Viet Hung	03/08/2009	03/8/2009	03 August 2009	Sơn La
Cầm Thị Thu Ngân	Cam Thi Thu Ngan	02/03/2009	02/3/2009	02 March 2009	Sơn La
Lò Duy Nghĩa	Lo Duy Nghia	22/08/2009	22/8/2009	22 August 2009	Sơn La
Lò Thị Mai Nhân	Lo Thi Mai Nhan	07/10/2009	07/10/2009	07 October 2009	Sơn La
Khoa Văn Quỳnh	Khoa Van Quynh	01/12/2009	01/12/2009	01 December 2009	Sơn La
Hoàng Trường Việt Vũ	Hoang Truong Viet Vu	11/06/2009	11/6/2009	11 June 2009	Sơn La
Lường Văn Anh	Luong Van Anh	20/08/2009	20/8/2009	20 August 2009	Sơn La
Sùng A Bản	Sung A Ban	14/02/2009	14/02/2009	14 February 2009	Sơn La
Lường Văn May	Luong Van May	20/05/2009	20/5/2009	20 May 2009	Sơn La
Lò Thị Minh Nguyệt	Lo Thi Minh Nguyet	29/5/2009	29/5/2009	29 May 2009	Sơn La

Sông A Tuấn	Song A Tuan	09/03/2009	09/3/2009	09 March 2009	Sơn La
Cà Thị Hoàng Anh	Ca Thi Hoang Anh	21/01/2009	21/01/2009	21 January 2009	Sơn La
Cà Thị Thanh Điệp	Ca Thi Thanh Diep	15/09/2009	15/9/2009	15 September 2009	Sơn La
Lèo Như Ngọc	Leo Nhu Ngoc	24/08/2009	24/8/2009	24 August 2009	Sơn La
Mùa A Nụ	Mua A Nu	20/11/2009	20/11/2009	20 November 2009	Sơn La
Tráng A Phành	Trang A Phanh	11/09/2009	11/9/2009	11 September 2009	Sơn La
Sông A Phừ	Song A Phu	07/06/2009	07/6/2009	07 June 2009	Sơn La
Sông A Say	Song A Say	01/10/2009	01/10/2009	01 October 2009	Sơn La
Lù Mạnh Thòa	Lu Manh Thoa	16/10/2009	16/10/2009	16 October 2009	Sơn La
Trần Việt Tiến	Tran Viet Tien	07/10/2009	07/10/2009	07 October 2009	Hưng Yên
Lò Quốc Bảo	Lo Quoc Bao	06/04/2009	06/4/2009	06 April 2009	Sơn La
Cà Tiến Đạt	Ca Tien Dat	03/08/2009	03/8/2009	03 August 2009	Sơn La
Tòng Văn Đầy	Tong Van Day	30/09/2009	30/9/2009	30 September 2009	Sơn La
Lường Thị Thúy Hồng	Luong Thi Thuy Hong	21/02/2009	21/02/2009	21 February 2009	Sơn La
Cà Thị Thảo My	Ca Thi Thao My	25/02/2009	25/02/2009	25 February 2009	Sơn La
Cà Duy Nhật	Ca Duy Nhat	20/08/2009	20/8/2009	20 August 2009	Sơn La
Tòng Văn Phong	Tong Van Phong	01/12/2009	01/12/2009	01 December 2009	Sơn La
Lò Thị Anh Thư	Lo Thi Anh Thu	05/08/2009	05/8/2009	05 August 2009	Sơn La
Sùng Bả Chua	Sung Ba Chua	06/02/2009	06/02/2009	06 February 2009	Sơn La
Vũ Bảo Long	Vu Bao Long	11/12/2009	11/12/2009	11 December 2009	Sơn La
Hà Trọng Nghĩa	Ha Trong Nghia	07/07/2009	07/7/2009	07 July 2009	Sơn La
Tòng Minh Tân	Tong Minh Tan	29/07/2009	29/7/2009	29 July 2009	Sơn La
Quảng Mạnh Trường	Quang Manh Truong	25/11/2009	25/11/2009	25 November 2009	Sơn La
Nông Thị Huyền Cúc	Nong Thi Huyen Cuc	06/10/2009	06/10/2009	06 October 2009	Sơn La
Quảng Khánh Đạt	Quang Khanh Dat	06/12/2009	06/12/2009	06 December 2009	Sơn La
Tòng Thị Điệp	Tong Thi Diep	21/10/2009	21/10/2009	21 October 2009	Sơn La
Vương Thị Ngân Hà	Vuong Thi Ngan Ha	17/12/2009	17/12/2009	17 December 2009	Sơn La

Lò Thị Thu Hằng	Lo Thi Thu Hang	12/12/2009	12/12/2009	12 December 2009	Sơn La
Lù Thanh Hằng	Lu Thanh Hang	09/10/2009	09/10/2009	09 October 2009	Sơn La
Lò Anh Khang	Lo Anh Khang	22/02/2009	22/02/2009	22 February 2009	Sơn La
Hà Thị Tuyết Mai	Ha Thi Tuyet Mai	09/01/2009	09/01/2009	09 January 2009	Sơn La
Lò Thị Thanh Nhân	Lo Thi Thanh Nhan	29/10/2009	29/10/2009	29 October 2009	Sơn La
Hà Thị Minh Trang	Ha Thi Minh Trang	10/12/2009	10/12/2009	10 December 2009	Sơn La
Lò Thị Thu Trang	Lo Thi Thu Trang	10/05/2009	10/5/2009	10 May 2009	Sơn La
Quàng Yến Trang	Quang Yen Trang	05/06/2009	05/6/2009	05 June 2009	Sơn La
Thào Thị Vú	Thao Thi Vu	14/12/2009	14/12/2009	14 December 2009	Sơn La
Tòng Gia Bảo	Tong Gia Bao	09/10/2009	09/10/2009	09 October 2009	Sơn La
Cà Thị Châm	Ca Thi Cham	04/06/2009	04/6/2009	04 June 2009	Sơn La
Cà Thùỵ Châm	Ca Thuy Cham	03/09/2009	03/9/2009	03 September 2009	Sơn La
Quàng Việt Cường	Quang Viet Cuong	26/02/2009	26/02/2009	26 February 2009	Sơn La
Lò Thị Thúy Hằng	Lo Thi Thuy Hang	04/11/2009	04/11/2009	04 November 2009	Sơn La
Cà Gia Khánh	Ca Gia Khanh	24/04/2009	24/4/2009	24 April 2009	Sơn La
Cà Thị Thảo My	Ca Thi Thao My	01/09/2009	01/9/2009	01 September 2009	Sơn La
Quàng Thị Hằng Nga	Quang Thi Hang Nga	25/12/2009	25/12/2009	25 December 2009	Sơn La
Tòng Thị Minh Nguyệt	Tong Thi Minh Nguyet	19/12/2009	19/12/2009	19 December 2009	Sơn La
Lèo Thị Nhung	Leo Thi Nhung	20/11/2009	20/11/2009	20 November 2009	Sơn La
Hà Nhật Thiên	Ha Nhat Thien	12/10/2009	12/10/2009	12 October 2009	Sơn La
Cà Thị Ánh Tuyết	Ca Thi Anh Tuyet	07/07/2009	07/7/2009	07 July 2009	Sơn La
INTHACHAK TIP	INTHACHAK TIP	27/04/2004	27/4/2004	27 April 2004	U Đôm Xay
KHAMMASITH PHOUDPAN	KHAMMASITH PHOUDPAN	18/05/2005	18/5/2005	18 May 2005	OUDO MXAY
Nguyễn Thành Công	Nguyen Thanh Cong	17/12/2009	17/12/2009	17 December 2009	Sơn La
Nguyễn Đức Độ	Nguyen Duc Do	19/02/2009	19/02/2009	19 February 2009	Sơn La
Nguyễn Việt Đức	Nguyen Viet Duc	13/07/2009	13/7/2009	13 July 2009	Vĩnh Phúc

Đỗ Thị Hồng	Do Thi Hong	29/05/2009	29/5/2009	29 May 2009	Sơn La
Quảng Văn Long	Quang Van Long	08/02/2009	08/02/2009	08 February 2009	Sơn La
Lèo Văn Ngọc	Leo Van Ngoc	07/05/2009	07/5/2009	07 May 2009	Sơn La
Quảng Thế Nguyên	Quang The Nguyen	30/11/2009	30/11/2009	30 November 2009	Sơn La
Hà Văn Quý An	Ha Van Quy An	29/01/2009	29/01/2009	29 January 2009	Sơn La
Đinh Văn Anh	Dinh Van Anh	28/02/2009	28/02/2009	28 February 2009	Sơn La
Hà Đức Duy	Ha Duc Duy	17/02/2009	17/02/2009	17 February 2009	Sơn La
Lò Văn Quân	Lo Van Quan	19/06/2009	19/6/2009	19 June 2009	Sơn La
Giàng Thị Súa	Giang Thi Sua	25/10/2009	25/10/2009	25 October 2009	Sơn La
Sông A Thắng	Song A Thang	18/07/2009	18/7/2009	18 July 2009	Sơn La
Lù Lộc Thành	Lu Loc Thanh	22/07/2009	22/7/2009	22 July 2009	Sơn La
Tòng Trung Thành	Tong Trung Thanh	30/08/2009	30/8/2009	30 August 2009	Sơn La
Giàng A Toán	Giang A Toan	15/12/2009	15/12/2009	15 December 2009	Sơn La
Lò Duy Trọng	Lo Duy Trong	23/02/2009	23/02/2009	23 February 2009	Sơn La
Mùi Đức Trọng	Mui Duc Trong	05/05/2008	05/5/2008	05 May 2008	Sơn La
Hà Văn Tùng	Ha Van Tung	16/06/2009	16/6/2009	16 June 2009	Sơn La
Cà Thế Bạch	Ca The Bach	22/10/2009	22/10/2009	22 October 2009	Sơn La
Cà Hải Đăng	Ca Hai Dang	16/05/2009	16/5/2009	16 May 2009	Sơn La
Cà Trung Du	Ca Trung Du	17/02/2009	17/02/2009	17 February 2009	Sơn La
Lò Hoàng Đức	Lo Hoang Duc	11/12/2008	11/12/2008	11 December 2008	Sơn La
Vừ Chư Hịa	Vu Chu Hua	01/02/2009	01/02/2009	01 February 2009	Sơn La
Phạm Quang Hưng	Pham Quang Hung	14/11/2009	14/11/2009	14 November 2009	Sơn La
Lò Thị Thu Huyền	Lo Thi Thu Huyen	20/07/2009	20/7/2009	20 July 2009	Sơn La
Hoàng Minh Quân	Hoang Minh Quan	09/09/2009	09/9/2009	09 September 2009	Sơn La
Cà Văn Quyền	Ca Van Quyen	23/01/2009	23/01/2009	23 January 2009	Sơn La
Phảng A Súa	Phang A Sua	22/05/2009	22/5/2009	22 May 2009	Sơn La
Hoàng Đức Tuấn	Hoang Duc Tuan	26/08/2008	26/8/2008	26 August 2008	Sơn La

Tòng Thị Diện	Tong Thi Dien	14/07/2009	14/7/2009	14 July 2009	Sơn La
Lò Duy Đình	Lo Duy Dinh	24/06/2009	24/6/2009	24 June 2009	Sơn La
Lò Vũ Duy	Lo Vu Duy	03/10/2009	03/10/2009	03 October 2009	Sơn La
Lèo Minh Khang	Leo Minh Khang	19/06/2009	19/6/2009	19 June 2009	Sơn La
Hà Văn Khánh	Ha Van Khanh	09/10/2009	09/10/2009	09 October 2009	Sơn La
Lò Thị An Na	Lo Thi An Na	21/11/2008	21/11/2008	21 November 2008	Sơn La
Hà Bích Ngọc	Ha Bich Ngoc	30/06/2009	30/6/2009	30 June 2009	Sơn La
Hà Đức Nguyễn	Ha Duc Nguyen	23/09/2009	23/9/2009	23 September 2009	Sơn La
Quảng Thanh Niệm	Quang Thanh Niem	14/01/2009	14/01/2009	14 January 2009	Sơn La
Lò Văn Phong	Lo Van Phong	06/10/2009	06/10/2009	06 October 2009	Sơn La
Hà Thị Thùy Tiên	Ha Thi Thuy Tien	12/12/2009	12/12/2009	12 December 2009	Sơn La
Hà Anh Tuấn	Ha Anh Tuan	27/09/2009	27/9/2009	27 September 2009	Sơn La
Lò Văn Tùng	Lo Van Tung	08/02/2009	08/02/2009	08 February 2009	Sơn La
Tòng Thị Ánh Tuyết	Tong Thi Anh Tuyen	12/12/2009	12/12/2009	12 December 2009	Sơn La
Lò Văn Việt	Lo Van Viet	29/05/2009	29/5/2009	29 May 2009	Sơn La
Tòng Minh Đạt	Tong Minh Dat	01/10/2009	01/10/2009	01 October 2009	Sơn La
Lường Văn Dũng	Luong Van Dung	16/09/2009	16/9/2009	16 September 2009	Sơn La
Cà Văn Hoàng	Ca Van Hoang	12/10/2009	12/10/2009	12 October 2009	Sơn La
Quảng Thanh Lâm	Quang Thanh Lam	05/05/2009	05/5/2009	05 May 2009	Sơn La
Lù Văn Luân	Lu Van Luan	07/01/2009	07/01/2009	07 January 2009	Sơn La
Lò Văn Lý	Lo Van Ly	21/05/2009	21/5/2009	21 May 2009	Sơn La
Tòng Văn Oai	Tong Van Oai	25/10/2009	25/10/2009	25 October 2009	Sơn La
Giàng A Phở	Giang A Phu	05/02/2009	05/02/2009	05 February 2009	Sơn La
Lù Thị Hồng Phước	Lu Thi Hong Phuoc	30/09/2009	30/9/2009	30 September 2009	Sơn La
Quảng Văn Quyên	Quang Van Quyen	14/11/1989	14/11/1989	14 November 1989	Sơn La
Hoàng Văn Quyên	Hoang Van Quyen	09/09/2009	09/9/2009	09 September 2009	Sơn La
Tòng Văn Quỳnh	Tong Van Quynh	14/11/2009	14/11/2009	14 November 2009	Sơn La

Cà Tất Thành	Ca Tat Thanh	27/07/2009	27/7/2009	27 July 2009	Sơn La
Khoa Văn Thúc	Khoa Van Thuc	02/01/2008	02/01/2008	02 January 2008	Sơn La
Lò Văn Tiến	Lo Van Tien	14/11/2009	14/11/2009	14 November 2009	Sơn La
Tòng Thị Ngọc Ánh	Tong Thi Ngoc Anh	09/12/2009	09/12/2009	09 December 2009	Sơn La
Cà Thị Ngọc Bích	Ca Thi Ngoc Bich	09/05/2009	09/5/2009	09 May 2009	Sơn La
Sông Tiến Dũng	Song Tien Dung	01/06/2009	01/6/2009	01 June 2009	Sơn La
Hoàng Thị Huyền	Hoang Thi Huyen	25/02/2009	25/02/2009	25 February 2009	Sơn La
Hoàng Ngân	Hoang Ngan	21/10/2009	21/10/2009	21 October 2009	Sơn La
Cà Thị Bích Nhật	Ca Thi Bich Nhat	01/05/2009	01/5/2009	01 May 2009	Sơn La
Cầm Thị Yến Nhi	Cam Thi Yen Nhi	22/04/2009	22/4/2009	22 April 2009	Sơn La
Cà Quỳnh Như	Ca Quynh Nhu	16/08/2009	16/8/2009	16 August 2009	Sơn La
Tòng Thị Tuyết Như	Tong Thi Tuyet Nhu	03/10/2009	03/10/2009	03 October 2009	Sơn La
Lù Thị Hà Vy	Lu Thi Ha Vy	27/02/2009	27/02/2009	27 February 2009	Sơn La

Giới tính	Dân tộc	Ngành	Ngành tiếng Anh	Số tín chỉ TL	Điểm TBC TL (TB 10)	Xếp loại TN (TB 4)
Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	7.32	Khá
Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	6.72	Trung bình
Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	6.56	Trung bình
Nữ	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	7.4	Khá
Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	6.34	Trung bình
Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	7.5	Khá
Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	6.8	Trung bình
Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	7.56	Khá
Nữ	Kinh	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	7.4	Khá
Nam	Mông	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	7.37	Khá
Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	7.35	Khá
Nữ	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	7.6	Khá
Nam	Thái	Dịch vụ pháp lý	Legal services	55	6.86	Trung bình
Nam	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.18	Khá
Nam	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	6.9	Khá
Nam	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.44	Khá
Nam	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	6.98	Khá
Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.86	Giỏi
Nam	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.19	Khá
Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.94	Giỏi
Nam	Khơ mú	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.23	Khá
Nam	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	6.98	Khá
Nam	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.06	Khá
Nam	Mông	Hành chính văn phòng	Office administration	52	6.82	Trung bình
Nam	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.31	Khá
Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	Office administration	52	7.17	Khá

Nam	Mông	Hành chính văn phòng	Office administration	52	6.79	Trung bình
Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	8.28	Giỏi
Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	8.23	Giỏi
Nữ	Thái	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	7.59	Khá
Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	7.3	Khá
Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	8.03	Giỏi
Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	7.84	Giỏi
Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	7.98	Giỏi
Nam	Thái	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	7.56	Khá
Nam	Kinh	Hướng dẫn du lịch	Tour guide	56	7.43	Khá
Nam	Thái	Pháp luật	Law	56	7.52	Khá
Nam	Thái	Pháp luật	Law	56	7.55	Khá
Nam	Thái	Pháp luật	Law	56	7.24	Khá
Nữ	Thái	Pháp luật	Law	56	8.24	Giỏi
Nữ	Thái	Pháp luật	Law	56	8.01	Giỏi
Nam	Thái	Pháp luật	Law	56	7.15	Khá
Nam	Thái	Pháp luật	Law	56	7.35	Khá
Nữ	Thái	Pháp luật	Law	56	7.99	Giỏi
Nam	Mông	Pháp luật	Law	56	7.47	Khá
Nam	Kinh	Pháp luật	Law	56	7.43	Khá
Nam	Thái	Pháp luật	Law	56	6.48	Trung bình
Nam	Thái	Pháp luật	Law	56	6.82	Khá
Nam	Thái	Pháp luật	Law	56	7.44	Khá
Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	6.96	Trung bình
Nam	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.37	Khá
Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	8.02	Giỏi
Nữ	Kinh	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.16	Khá

Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.27	Khá
Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.77	Khá
Nam	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	6.52	Trung bình
Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.7	Giỏi
Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.3	Khá
Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.48	Giỏi
Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.61	Giỏi
Nữ	Thái	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	7.52	Khá
Nữ	Mông	Quản lý văn hóa	Cultural management	52	8	Giỏi
Nam	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.51	Khá
Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.72	Giỏi
Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.85	Giỏi
Nam	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.12	Khá
Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	8.07	Giỏi
Nam	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.09	Khá
Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	8	Giỏi
Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	8.02	Giỏi
Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.67	Giỏi
Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	8.48	Xuất sắc
Nam	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.09	Khá
Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.98	Giỏi
Nữ	Lào 2	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.43	Khá
Nữ	Lào 2	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.36	Khá
Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.82	Giỏi
Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	8.02	Giỏi
Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.2	Khá

Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.45	Khá
Nam	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	6.81	Trung bình
Nam	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.57	Giỏi
Nam	Thái	Quản trị khách sạn	Hotel management	53	7.28	Khá
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	7.1	Khá
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	7.1	Khá
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	7.12	Khá
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.79	Trung bình
Nữ	Mông	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	7.86	Giỏi
Nam	Mông	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	7.12	Khá
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	8.06	Giỏi
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.56	Trung bình
Nam	Mông	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.4	Trung bình
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.69	Trung bình
Nam	Mường	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.43	Trung bình
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.44	Trung bình
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.99	Khá
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.6	Trung bình
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.91	Trung bình
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.88	Trung bình
Nam	Mông	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	7.56	Khá
Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.66	Trung bình
Nữ	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	7.48	Khá
Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.48	Trung bình
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.7	Trung bình
Nam	Mông	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.42	Trung bình
Nam	Thái	Tin học ứng dụng	Applied informatics	66	6.85	Trung bình

Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.71	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.69	Giỏi
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	8.07	Giỏi
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.54	Giỏi
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	6.83	Khá
Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.79	Giỏi
Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	8.02	Giỏi
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	8.09	Giỏi
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.69	Giỏi
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.93	Giỏi
Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.56	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.49	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	6.78	Khá
Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.28	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.26	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	6.83	Trung bình
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.71	Giỏi
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.36	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.2	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.63	Giỏi
Nam	Xinh mun	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.13	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.25	Khá
Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.78	Giỏi
Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.21	Khá
Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.59	Giỏi
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.12	Khá
Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.45	Khá

Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.95	Giỏi
Nam	Khơ mú	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.11	Khá
Nam	Kháng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Plant cultivation and protection	52	7.62	Giỏi
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	8	Giỏi
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	7.73	Giỏi
Nam	Mông	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	6.89	Khá
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	7.04	Khá
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	7.01	Khá
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	7.46	Khá
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	7.05	Khá
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	7.37	Khá
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	7.37	Khá
Nữ	Thái	Văn thư hành chính	Administrative archive	56	7.58	Khá

Xếp loại tiếng Anh	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Chức danh người ký	Họ và tên người ký	Ghi chú
Merit	000011 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0011	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000012 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0012	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000013 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0013	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000014 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0014	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000015 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0015	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000016 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0016	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000017 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0017	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000018 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0018	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000019 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0019	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000020 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0020	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000021 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0021	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000022 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0022	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000023 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0023	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000024 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0024	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000025 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0025	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000026 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0026	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000027 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0027	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000028 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0028	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000029 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0029	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000030 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0030	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000031 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0031	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000032 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0032	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000033 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0033	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000034 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0034	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000035 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0035	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000036 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0036	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	

Pass	000037 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0037	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000038 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0038	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000039 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0039	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000040 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0040	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000041 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0041	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000042 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0042	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000043 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0043	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000044 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0044	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000045 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0045	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000046 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0046	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000047 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0047	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000048 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0048	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000049 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0049	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000050 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0050	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000051 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0051	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000052 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0052	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000053 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0053	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000054 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0054	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000055 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0055	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000056 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0056	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000057 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0057	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000058 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0058	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000059 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0059	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000060 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0060	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000061 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0061	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000062 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0062	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000063 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0063	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	

Merit	000064 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0064	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000065 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0065	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000066 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0066	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000067 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0067	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000068 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0068	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000069 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0069	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000070 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0070	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000071 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0071	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000072 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0072	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000073 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0073	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000074 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0074	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000075 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0075	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000076 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0076	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000077 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0077	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000078 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0078	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000079 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0079	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000080 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0080	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000081 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0081	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Xuất sắc	000082 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0082	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000083 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0083	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000084 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0084	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000085 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0085	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000086 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0086	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000087 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0087	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000088 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0088	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000089 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0089	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	

Merit	000090 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0090	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000091 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0091	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000092 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0092	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000093 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0093	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000094 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0094	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000095 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0095	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000096 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0096	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000097 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0097	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000098 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0098	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000099 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0099	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000100 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0100	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000101 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0101	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000102 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0102	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000103 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0103	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000104 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0104	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000105 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0105	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000106 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0106	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000107 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0107	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000108 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0108	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000109 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0109	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000110 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0110	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000111 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0111	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000112 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0112	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000113 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0113	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000114 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0114	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000115 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0115	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000116 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0116	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	

Merit	000117 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0117	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000118 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0118	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000119 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0119	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000120 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0120	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000121 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0121	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000122 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0122	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000123 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0123	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000124 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0124	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000125 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0125	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000126 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0126	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000127 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0127	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000128 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0128	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000129 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0129	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000130 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0130	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000131 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0131	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Pass	000132 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0132	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000133 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0133	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000134 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0134	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000135 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0135	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000136 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0136	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000137 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0137	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000138 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0138	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000139 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0139	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000140 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0140	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000141 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0141	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000142 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0142	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000143 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0143	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	

Distinction	000144 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0144	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000145 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0145	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000146 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0146	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000147 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0147	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Distinction	000148 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0148	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000149 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0149	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000150 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0150	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000151 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0151	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000152 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0152	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000153 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0153	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000154 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0154	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000155 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0155	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	
Merit	000156 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0156	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Long	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

SỔ GỐC CẤP BẰNG ĐỢT 3 NĂM 2026
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHOI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 552/QĐ-CDSL ngày 14/07/2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Ngày cấp bằng: 23/07/2026

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
1	Lường Hoàng	Anh	11/24/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000011 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0011		
2	Cả Nhật	Đăng	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000012 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0012		
3	Lèo Thành	Đạt	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000013 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0013		
4	Cà Thị	Diệp	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000014 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0014		
5	Hà Việt	Hung	30/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000015 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0015		
6	Giảng A	Hương	06/01/2008	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000016 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0016		
7	Hà Tường	Lân	10/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000017 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0017		
8	Hờ A	Nụ	07/04/2008	Sơn La	Nam	Móng	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000018 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0018		
9	Trịnh Phạm Ngọc	Quỳnh	09/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000019 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0019		
10	Giảng A	Súa	19/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000020 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0020		
11	Cà Đức	Toàn	25/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000021 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0021		
12	Lò Thị Thu	Trang	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000022 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0022		
13	Hà Hải	Đăng	05/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000023 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0023		
14	Vì Quốc	Bảo	15/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000024 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0024		
15	Hoàng Tiến	Đạt	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000025 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0025		
16	Lường Văn	Hạnh	17/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000026 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0026		
17	Lò Việt	Hùng	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000027 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0027		
18	Cầm Thị Thu	Ngân	02/03/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Giỏi	000028 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0028		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
19	Lò Duy	Nghĩa	22/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000029 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0029		
20	Lò Thị Mai	Nhân	07/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Giỏi	000030 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0030		
21	Khoa Văn	Quỳnh	01/12/2009	Sơn La	Nam	Khơ Mú	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000031 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0031		
22	Hoàng Trường Việt	Vũ	11/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000032 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0032		
23	Lường Văn	Anh	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000033 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0033		
24	Sùng A	Bán	14/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Trung bình	000034 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0034		
25	Lường Văn	May	20/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000035 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0035		
26	Lò Thị Minh	Nguyệt	5/29/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000036 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0036		
27	Sông A	Tuấn	09/03/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Trung bình	000037 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0037		
28	Cà Thị Hoàng	Anh	21/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000038 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0038		
29	Cà Thị Thanh	Điệp	15/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000039 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0039		
30	Lèo Như	Ngọc	24/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Khá	000040 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0040		
31	Mùa A	Nụ	20/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Khá	000041 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0041		
32	Tráng A	Phánh	11/09/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000042 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0042		
33	Sông A	Phừ	07/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000043 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0043		
34	Sông A	Say	01/10/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000044 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0044		
35	Lù Mạnh	Thỏa	16/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Khá	000045 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0045		
36	Trần Việt	Tiến	07/10/2009	Hưng Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Khá	000046 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0046		
37	Lò Quốc	Bảo	06/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000047 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0047		
38	Cà Tiến	Đạt	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000048 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0048		
39	Tông Văn	Đầy	30/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000049 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0049		
40	Lường Thị Thủy	Hồng	21/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Giỏi	000050 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0050		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
41	Cà Thị Thảo	My	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Giỏi	000051 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0051		
42	Cà Duy	Nhật	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000052 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0052		
43	Tòng Văn	Phong	01/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000053 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0053		
44	Lò Thị Anh	Thư	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Giỏi	000054 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0054		
45	Sùng Bá	Chua	06/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000055 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0055		
46	Vũ Bảo	Long	11/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000056 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0056		
47	Hà Trọng	Nghĩa	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Trung bình	000057 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0057		
48	Tòng Minh	Tân	29/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000058 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0058		
49	Quảng Mạnh	Trường	25/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000059 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0059		
50	Nông Thị Huyền	Cúc	06/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Trung bình	000060 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0060		
51	Quảng Khánh	Đạt	06/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000061 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0061		
52	Tòng Thị	Diệp	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000062 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0062		
53	Vương Thị Ngân	Hà	17/12/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000063 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0063		
54	Lò Thị Thu	Hằng	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000064 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0064		
55	Lù Thanh	Hằng	09/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000065 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0065		
56	Lò Anh	Khang	22/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Trung bình	000066 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0066		
57	Hà Thị Tuyết	Mai	09/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000067 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0067		
58	Lò Thị Thanh	Nhàn	29/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000068 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0068		
59	Hà Thị Minh	Trang	10/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000069 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0069		
60	Lò Thị Thu	Trang	10/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000070 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0070		
61	Quảng Yển	Trang	05/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000071 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0071		
62	Thào Thị	Vú	14/12/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000072 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0072		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
63	Tòng Gia	Bảo	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000073 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0073		
64	Cà Thị	Châm	04/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000074 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0074		
65	Cà Thùy	Châm	03/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000075 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0075		
66	Quảng Việt	Cường	26/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000076 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0076		
67	Lò Thị Thúy	Hằng	04/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000077 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0077		
68	Cà Gia	Khánh	24/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000078 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0078		
69	Cà Thị Thảo	My	01/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000079 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0079		
70	Quảng Thị Hằng	Nga	25/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000080 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0080		
71	Tòng Thị Minh	Nguyệt	19/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000081 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0081		
72	Lèo Thị	Nhung	20/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Xuất sắc	000082 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0082		
73	Hà Nhật	Thiên	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000083 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0083		
74	Cà Thị Ánh	Tuyết	07/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000084 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0084		
75	INTHACHAK	TIP	27/04/2004	OUDOMXAY	Nữ	Lào 2	Lào	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000085 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0085		
76	KHAMMASITH	PHOUDPANY	18/05/2005	OUDOMXAY	Nữ	Lào 2	Lào	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000086 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0086		
77	Nguyễn Thành	Công	17/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000087 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0087		
78	Nguyễn Đức	Độ	19/02/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000088 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0088		
79	Nguyễn Việt	Đức	13/07/2009	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000089 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0089		
80	Đỗ Thị	Hồng	29/05/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000090 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0090		
81	Quảng Văn	Long	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Trung bình	000091 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0091		
82	Lèo Văn	Ngọc	07/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000092 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0092		
83	Quảng Thế	Nguyễn	30/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000093 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0093		
84	Hà Văn Quý	An	29/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000094 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0094		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
85	Đinh Văn	Anh	28/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000095 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0095		
86	Hà Đức	Duy	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000096 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0096		
87	Lò Văn	Quân	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000097 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0097		
88	Giảng Thị	Sua	25/10/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Giỏi	000098 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0098		
89	Sông A	Thắng	18/07/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000099 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0099		
90	Lù Lộc	Thành	22/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Giỏi	000100 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0100		
91	Tòng Trung	Thành	30/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000101 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0101		
92	Giảng A	Toán	15/12/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000102 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0102		
93	Lò Duy	Trọng	23/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000103 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0103		
94	Mùi Đức	Trọng	05/05/2008	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000104 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0104		
95	Hà Văn	Tùng	16/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000105 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0105		
96	Cà Thế	Bạch	22/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000106 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0106		
97	Cà Hải	Đăng	16/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000107 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0107		
98	Cà Trung	Du	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000108 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0108		
99	Lò Hoàng	Đức	11/12/2008	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000109 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0109		
100	Vừ Chư	Hạ	01/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000110 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0110		
101	Phạm Quang	Hưng	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000111 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0111		
102	Lò Thị Thu	Huyền	20/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000112 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0112		
103	Hoàng Minh	Quân	09/09/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000113 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0113		
104	Cà Văn	Quyển	23/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000114 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0114		
105	Phảng A	Sua	22/05/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000115 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0115		
106	Hoàng Đức	Tuấn	26/08/2008	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000116 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0116		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
107	Tòng Thị	Diện	14/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000117 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0117		
108	Lò Duy	Đình	24/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000118 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0118		
109	Lò Vũ	Duy	03/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000119 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0119		
110	Lèo Minh	Khang	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000120 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0120		
111	Hà Văn	Khánh	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000121 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0121		
112	Lò Thị An	Na	21/11/2008	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000122 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0122		
113	Hà Bích	Ngọc	30/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000123 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0123		
114	Hà Đức	Nguyễn	23/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000124 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0124		
115	Quảng Thanh	Niệm	14/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000125 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0125		
116	Lò Văn	Phong	06/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000126 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0126		
117	Hà Thị Thùy	Tiên	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000127 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0127		
118	Hà Anh	Tuấn	27/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000128 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0128		
119	Lò Văn	Tùng	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000129 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0129		
120	Tòng Thị Ánh	Tuyết	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000130 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0130		
121	Lò Văn	Việt	29/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000131 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0131		
122	Tòng Minh	Đạt	01/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Trung bình	000132 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0132		
123	Lường Văn	Dũng	16/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000133 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0133		
124	Cà Văn	Hoàng	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000134 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0134		
125	Quảng Thanh	Lâm	05/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000135 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0135		
126	Lù Văn	Luân	07/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000136 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0136		
127	Lò Văn	Lý	21/05/2009	Sơn La	Nam	Xinh Mun	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000137 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0137		
128	Tòng Văn	Oai	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000138 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0138		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
129	Giảng A	Phử	05/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000139 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0139		
130	Lù Thị Hồng	Phước	30/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000140 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0140		
131	Quảng Văn	Quyên	14/11/1989	Sơn La	Nam	Kháng	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000141 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0141		
132	Hoàng Văn	Quyên	09/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000142 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0142		
133	Tông Văn	Quynh	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000143 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0143		
134	Cà Tất	Thành	27/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000144 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0144		
135	Khoa Văn	Thức	02/01/2008	Sơn La	Nam	Khơ Mú	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000145 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0145		
136	Lò Văn	Tiến	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kháng	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000146 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0146		
137	Tông Thị Ngọc	Ánh	09/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Giỏi	000147 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0147		
138	Cà Thị Ngọc	Bích	09/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Giỏi	000148 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0148		
139	Sông Tiến	Dũng	01/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000149 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0149		
140	Hoàng Thị	Huyền	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000150 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0150		
141	Hoàng	Ngân	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000151 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0151		
142	Cà Thị Bích	Nhật	01/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000152 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0152		
143	Cầm Thị Yến	Nhi	22/04/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000153 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0153		
144	Cà Quỳnh	Như	16/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000154 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0154		
145	Tông Thị Tuyết	Như	03/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000155 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0155		
146	Lù Thị Hà	Vy	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000156 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0156		

Danh sách này có: 146 học sinh

Sơn La, ngày 23 tháng 07 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

Ghi chú

Ghi chú

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

SỔ GỐC CẤP BẰNG ĐỢT 3 NĂM 2026

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY

KHOI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 552/QĐ-CDSL ngày 14/07/2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Ngày cấp bằng: 23/07/2026

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
1	Lường Hoàng	Anh	11/24/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000011 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0011		
2	Cà Nhật	Đăng	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000012 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0012		
3	Lèo Thành	Đạt	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000013 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0013		
4	Cà Thị	Diệp	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000014 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0014		
5	Hà Việt	Hung	30/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000015 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0015		
6	Giảng A	Hương	06/01/2008	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000016 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0016		
7	Hà Tường	Lân	10/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000017 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0017		
8	Hồ A	Nụ	07/04/2008	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000018 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0018		
9	Trịnh Phạm Ngọc	Quỳnh	09/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000019 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0019		
10	Giảng A	Súa	19/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000020 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0020		
11	Cà Đức	Toàn	25/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000021 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0021		
12	Lò Thị Thu	Trang	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Khá	000022 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0022		
13	Hà Hải	Đăng	05/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý	2026	Trung bình	000023 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0023		
14	Vì Quốc	Bảo	15/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000024 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0024		
15	Hoàng Tiến	Đạt	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000025 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0025		
16	Lường Văn	Hạnh	17/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000026 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0026		
17	Lò Việt	Hùng	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000027 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0027		
18	Cầm Thị Thu	Ngân	02/03/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Giỏi	000028 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0028		
19	Lò Duy	Nghĩa	22/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000029 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0029		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
20	Lò Thị Mai	Nhàn	07/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Giỏi	000030 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0030		
21	Khoa Văn	Quỳnh	01/12/2009	Sơn La	Nam	Khơ Mú	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000031 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0031		
22	Hoàng Trường Việt	Vũ	11/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000032 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0032		
23	Lường Văn	Anh	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000033 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0033		
24	Sùng A	Bản	14/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Trung bình	000034 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0034		
25	Lường Văn	May	20/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000035 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0035		
26	Lò Thị Minh	Nguyệt	5/29/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Khá	000036 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0036		
27	Sông A	Tuấn	09/03/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hành chính văn phòng	2026	Trung bình	000037 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0037		
28	Cà Thị Hoàng	Anh	21/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000038 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0038		
29	Cà Thị Thanh	Điệp	15/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000039 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0039		
30	Lèo Như	Ngọc	24/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Khá	000040 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0040		
31	Mùa A	Nụ	20/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Khá	000041 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0041		
32	Tráng A	Phành	11/09/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000042 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0042		
33	Sông A	Phừ	07/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000043 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0043		
34	Sông A	Say	01/10/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Giỏi	000044 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0044		
35	Lù Mạnh	Thỏa	16/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Khá	000045 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0045		
36	Trần Việt	Tiến	07/10/2009	Hưng Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2026	Khá	000046 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0046		
37	Lò Quốc	Bảo	06/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000047 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0047		
38	Cà Tiến	Đạt	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000048 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0048		
39	Tông Văn	Đầy	30/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000049 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0049		
40	Lường Thị Thúy	Hồng	21/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Giỏi	000050 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0050		
41	Cà Thị Thảo	My	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Giỏi	000051 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0051		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
42	Cà Duy	Nhật	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000052 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0052		
43	Tòng Văn	Phong	01/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000053 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0053		
44	Lò Thị Anh	Thư	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Giỏi	000054 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0054		
45	Sùng Bả	Chua	06/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000055 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0055		
46	Vũ Bảo	Long	11/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000056 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0056		
47	Hà Trọng	Nghĩa	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Trung bình	000057 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0057		
48	Tòng Minh	Tân	29/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000058 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0058		
49	Quảng Mạnh	Trường	25/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật	2026	Khá	000059 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0059		
50	Nông Thị Huyền	Cúc	06/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Trung bình	000060 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0060		
51	Quảng Khánh	Đạt	06/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000061 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0061		
52	Tòng Thị	Điệp	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000062 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0062		
53	Vương Thị Ngân	Hà	17/12/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000063 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0063		
54	Lò Thị Thu	Hằng	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000064 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0064		
55	Lù Thanh	Hằng	09/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000065 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0065		
56	Lò Anh	Khang	22/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Trung bình	000066 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0066		
57	Hà Thị Tuyết	Mai	09/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000067 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0067		
58	Lò Thị Thanh	Nhàn	29/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000068 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0068		
59	Hà Thị Minh	Trang	10/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000069 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0069		
60	Lò Thị Thu	Trang	10/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000070 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0070		
61	Quảng Yển	Trang	05/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Khá	000071 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0071		
62	Thảo Thị	Vú	14/12/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Quản lý văn hóa	2026	Giỏi	000072 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0072		
63	Tòng Gia	Bảo	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000073 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0073		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
64	Cà Thị	Châm	04/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000074 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0074		
65	Cà Thùy	Châm	03/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000075 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0075		
66	Quảng Việt	Cường	26/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000076 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0076		
67	Lò Thị Thúy	Hằng	04/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000077 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0077		
68	Cà Gia	Khánh	24/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000078 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0078		
69	Cà Thị Thảo	My	01/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000079 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0079		
70	Quảng Thị Hằng	Nga	25/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000080 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0080		
71	Tông Thị Minh	Nguyệt	19/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000081 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0081		
72	Lèo Thị	Nhung	20/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Xuất sắc	000082 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0082		
73	Hà Nhật	Thiên	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000083 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0083		
74	Cà Thị Ánh	Tuyết	07/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000084 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0084		
75	INTHACHAK	TIP	27/04/2004	OUDOMXAY	Nữ	Lào 2	Lào	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000085 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0085		
76	KHAMMASITH	PHOUDPANY	18/05/2005	OUDOMXAY	Nữ	Lào 2	Lào	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000086 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0086		
77	Nguyễn Thành	Công	17/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000087 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0087		
78	Nguyễn Đức	Độ	19/02/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000088 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0088		
79	Nguyễn Việt	Đức	13/07/2009	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000089 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0089		
80	Đỗ Thị	Hồng	29/05/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000090 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0090		
81	Quảng Văn	Long	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Trung bình	000091 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0091		
82	Lèo Văn	Ngọc	07/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Giỏi	000092 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0092		
83	Quảng Thế	Nguyễn	30/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn	2026	Khá	000093 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0093		
84	Hà Văn Quý	An	29/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000094 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0094		
85	Đinh Văn	Anh	28/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000095 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0095		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
86	Hà Đức	Duy	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000096 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0096		
87	Lò Văn	Quân	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000097 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0097		
88	Giảng Thị	Sua	25/10/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Giỏi	000098 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0098		
89	Sông A	Thắng	18/07/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000099 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0099		
90	Lù Lộc	Thành	22/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Giỏi	000100 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0100		
91	Tòng Trung	Thành	30/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000101 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0101		
92	Giảng A	Toán	15/12/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000102 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0102		
93	Lò Duy	Trọng	23/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000103 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0103		
94	Mùi Đức	Trọng	05/05/2008	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000104 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0104		
95	Hà Văn	Tùng	16/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000105 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0105		
96	Cà Thế	Bạch	22/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000106 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0106		
97	Cà Hải	Đăng	16/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000107 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0107		
98	Cà Trung	Du	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000108 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0108		
99	Lò Hoàng	Đức	11/12/2008	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000109 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0109		
100	Vừ Chư	Hạ	01/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000110 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0110		
101	Phạm Quang	Hưng	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000111 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0111		
102	Lò Thị Thu	Huyền	20/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Khá	000112 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0112		
103	Hoàng Minh	Quân	09/09/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000113 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0113		
104	Cà Văn	Quyển	23/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000114 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0114		
105	Phảng A	Sua	22/05/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000115 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0115		
106	Hoàng Đức	Tuấn	26/08/2008	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2026	Trung bình	000116 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0116		
107	Tòng Thị	Diện	14/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000117 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0117		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
108	Lò Duy	Đình	24/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000118 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0118		
109	Lò Vũ	Duy	03/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000119 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0119		
110	Lèo Minh	Khang	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000120 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0120		
111	Hà Văn	Khánh	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000121 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0121		
112	Lò Thị An	Na	21/11/2008	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000122 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0122		
113	Hà Bích	Ngọc	30/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000123 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0123		
114	Hà Đức	Nguyễn	23/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000124 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0124		
115	Quảng Thanh	Niệm	14/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000125 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0125		
116	Lò Văn	Phong	06/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000126 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0126		
117	Hà Thị Thùy	Tiên	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000127 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0127		
118	Hà Anh	Tuấn	27/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000128 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0128		
119	Lò Văn	Tùng	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000129 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0129		
120	Tòng Thị Ánh	Tuyết	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000130 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0130		
121	Lò Văn	Việt	29/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000131 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0131		
122	Tòng Minh	Đạt	01/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Trung bình	000132 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0132		
123	Lường Văn	Dũng	16/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000133 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0133		
124	Cà Văn	Hoàng	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000134 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0134		
125	Quảng Thanh	Lâm	05/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000135 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0135		
126	Lù Văn	Luân	07/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000136 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0136		
127	Lò Văn	Lý	21/05/2009	Sơn La	Nam	Xinh Mun	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000137 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0137		
128	Tòng Văn	Oai	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000138 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0138		
129	Giảng A	Phử	05/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000139 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0139		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân
130	Lù Thị Hồng	Phước	30/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000140 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0140		
131	Quảng Văn	Quyên	14/11/1989	Sơn La	Nam	Kháng	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000141 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0141		
132	Hoàng Văn	Quyên	09/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000142 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0142		
133	Tòng Văn	Quynh	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000143 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0143		
134	Cà Tắt	Thành	27/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000144 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0144		
135	Khoa Văn	Thức	02/01/2008	Sơn La	Nam	Khơ Mú	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Khá	000145 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0145		
136	Lò Văn	Tiến	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kháng	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2026	Giỏi	000146 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0146		
137	Tòng Thị Ngọc	Ánh	09/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Giỏi	000147 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0147		
138	Cà Thị Ngọc	Bích	09/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Giỏi	000148 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0148		
139	Sòng Tiến	Dũng	01/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000149 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0149		
140	Hoàng Thị	Huyền	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000150 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0150		
141	Hoàng	Ngân	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000151 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0151		
142	Cà Thị Bích	Nhật	01/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000152 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0152		
143	Cầm Thị Yến	Nhi	22/04/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000153 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0153		
144	Cà Quỳnh	Như	16/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000154 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0154		
145	Tòng Thị Tuyết	Như	03/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000155 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0155		
146	Lù Thị Hà	Vy	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2026	Khá	000156 .TC1.2026.C14	TC1/C14/2026/0156		

Danh sách này có: 146 học sinh

Sơn La, ngày 23 tháng 07 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

Ghi chú

[illegible]

Ghi chú

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA
PHÒNG ĐÀO TẠO

SỔ KÝ XÁC NHẬN THÔNG TIN TRƯỚC KHI NHẬN BẰNG ĐỢT 3 NĂM 2026

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY

KHỐI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026

(Theo Quyết định số 552/QĐ-CĐSL ngày 14/07/2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Ngày cấp bằng: 23/07/2026

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Ký xác nhận	Ghi chú
1	Lường Hoàng	Anh	11/24/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
2	Cà Nhật	Đăng	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
3	Lèo Thành	Đạt	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
4	Cà Thị	Diệp	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
5	Hà Việt	Hưng	30/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
6	Giàng A	Hương	06/01/2008	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
7	Hà Tường	Lân	10/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
8	Hờ A	Nụ	07/04/2008	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
9	Trịnh Phạm Ngọc	Quỳnh	09/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
10	Giàng A	Súa	19/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
11	Cà Đức	Toàn	25/03/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
12	Lò Thị Thu	Trang	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
13	Hà Hải	Đăng	05/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Dịch vụ pháp lý		
14	Vì Quốc	Bảo	15/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
15	Hoàng Tiến	Đạt	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Ký xác nhận	Ghi chú
16	Lường Văn	Hạnh	17/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
17	Lò Việt	Hùng	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
18	Cầm Thị Thu	Ngân	02/03/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
19	Lò Duy	Nghĩa	22/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
20	Lò Thị Mai	Nhàn	07/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
21	Khoa Văn	Quỳnh	01/12/2009	Sơn La	Nam	Kho Mú	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
22	Hoàng Trường Việt	Vũ	11/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
23	Lường Văn	Anh	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
24	Sùng A	Bản	14/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
25	Lường Văn	May	20/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
26	Lò Thị Minh	Nguyệt	5/29/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
27	Sông A	Tuấn	09/03/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hành chính văn phòng		
28	Cà Thị Hoàng	Anh	21/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		
29	Cà Thị Thanh	Điệp	15/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		
30	Lèo Như	Ngọc	24/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		
31	Mùa A	Nụ	20/11/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		
32	Tráng A	Phành	11/09/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		
33	Sông A	Phừ	07/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		
34	Sông A	Say	01/10/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		
35	Lù Mạnh	Thỏa	16/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Ký xác nhận	Ghi chú
36	Trần Việt	Tiến	07/10/2009	Hưng Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch		
37	Lò Quốc	Bảo	06/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
38	Cà Tiến	Đạt	03/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
39	Tòng Văn	Đầy	30/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
40	Lương Thị Thủy	Hồng	21/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
41	Cà Thị Thảo	My	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
42	Cà Duy	Nhật	20/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
43	Tòng Văn	Phong	01/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
44	Lò Thị Anh	Thư	05/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
45	Sùng Bá	Chua	06/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Pháp luật		
46	Vũ Bảo	Long	11/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Pháp luật		
47	Hà Trọng	Nghĩa	07/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
48	Tòng Minh	Tân	29/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
49	Quảng Mạnh	Trường	25/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật		
50	Nông Thị Huyền	Cúc	06/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
51	Quảng Khánh	Đạt	06/12/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
52	Tòng Thị	Diệp	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
53	Vương Thị Ngân	Hà	17/12/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
54	Lò Thị Thu	Hằng	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
55	Lù Thanh	Hằng	09/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Ký xác nhận	Ghi chú
56	Lò Anh	Khang	22/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
57	Hà Thị Tuyết	Mai	09/01/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
58	Lò Thị Thanh	Nhàn	29/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
59	Hà Thị Minh	Trang	10/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
60	Lò Thị Thu	Trang	10/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
61	Quảng Yên	Trang	05/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
62	Thào Thị	Vú	14/12/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Quản lý văn hóa		
63	Tòng Gia	Bảo	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
64	Cà Thị	Châm	04/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
65	Cà Thùy	Châm	03/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
66	Quảng Việt	Cường	26/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
67	Lò Thị Thúy	Hằng	04/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
68	Cà Gia	Khánh	24/04/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
69	Cà Thị Thảo	My	01/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
70	Quảng Thị Hằng	Nga	25/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
71	Tòng Thị Minh	Nguyệt	19/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
72	Lèo Thị	Nhung	20/11/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
73	Hà Nhật	Thiên	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
74	Cà Thị Ánh	Tuyết	07/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
75	INTHACHAK	TIP	27/04/2004	OUDOMXAY	Nữ	Lào 2	Lào	Quản trị khách sạn		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Ký xác nhận	Ghi chú
76	KHAMMASITH	PHOUDPANY	18/05/2005	OUDOMXAY	Nữ	Lào 2	Lào	Quản trị khách sạn		
77	Nguyễn Thành	Công	17/12/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
78	Nguyễn Đức	Độ	19/02/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
79	Nguyễn Việt	Đức	13/07/2009	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
80	Đỗ Thị	Hồng	29/05/2009	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
81	Quảng Văn	Long	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
82	Lèo Văn	Ngọc	07/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
83	Quảng Thế	Nguyên	30/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản trị khách sạn		
84	Hà Văn Quý	An	29/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
85	Đinh Văn	Anh	28/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
86	Hà Đức	Duy	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
87	Lò Văn	Quân	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
88	Giàng Thị	Sua	25/10/2009	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
89	Sòng A	Thắng	18/07/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
90	Lù Lộc	Thành	22/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
91	Tòng Trung	Thành	30/08/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
92	Giàng A	Toán	15/12/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
93	Lò Duy	Trọng	23/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
94	Mùi Đức	Trọng	05/05/2008	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
95	Hà Văn	Tùng	16/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Ký xác nhận	Ghi chú
96	Cà Thế	Bạch	22/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
97	Cà Hải	Đặng	16/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
98	Cà Trung	Du	17/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
99	Lò Hoàng	Đức	11/12/2008	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
100	Vừ Chư	Hạ	01/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
101	Phạm Quang	Hưng	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
102	Lò Thị Thu	Huyền	20/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
103	Hoàng Minh	Quân	09/09/2009	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
104	Cà Văn	Quyển	23/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
105	Phảng A	Sua	22/05/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
106	Hoàng Đức	Tuấn	26/08/2008	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng		
107	Tòng Thị	Diện	14/07/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
108	Lò Duy	Đình	24/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
109	Lò Vũ	Duy	03/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
110	Lèo Minh	Khang	19/06/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
111	Hà Văn	Khánh	09/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
112	Lò Thị An	Na	21/11/2008	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
113	Hà Bích	Ngọc	30/06/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
114	Hà Đức	Nguyễn	23/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
115	Quảng Thanh	Niệm	14/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Ký xác nhận	Ghi chú
116	Lò Văn	Phong	06/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
117	Hà Thị Thùy	Tiên	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
118	Hà Anh	Tuấn	27/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
119	Lò Văn	Tùng	08/02/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
120	Tòng Thị Ánh	Tuyết	12/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
121	Lò Văn	Việt	29/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
122	Tòng Minh	Đạt	01/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
123	Lường Văn	Dũng	16/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
124	Cà Văn	Hoàng	12/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
125	Quảng Thanh	Lâm	05/05/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
126	Lù Văn	Luân	07/01/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
127	Lò Văn	Lý	21/05/2009	Sơn La	Nam	Xinh Mun	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
128	Tòng Văn	Oai	25/10/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
129	Giảng A	Phử	05/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
130	Lù Thị Hồng	Phước	30/09/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
131	Quảng Văn	Quyên	14/11/1989	Sơn La	Nam	Kháng	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
132	Hoàng Văn	Quyên	09/09/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
133	Tòng Văn	Quynh	14/11/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
134	Cà Tất	Thành	27/07/2009	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
135	Khoa Văn	Thức	02/01/2008	Sơn La	Nam	Kho Mú	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Ký xác nhận	Ghi chú
136	Lò Văn	Tiến	14/11/2009	Sơn La	Nam	Kháng	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
137	Tòng Thị Ngọc	Ánh	09/12/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		
138	Cà Thị Ngọc	Bích	09/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		
139	Sông Tiến	Dũng	01/06/2009	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính		
140	Hoàng Thị	Huyền	25/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		
141	Hoàng	Ngân	21/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		
142	Cà Thị Bích	Nhật	01/05/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		
143	Cầm Thị Yến	Nhi	22/04/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		
144	Cà Quỳnh	Như	16/08/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		
145	Tòng Thị Tuyết	Như	03/10/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		
146	Lù Thị Hà	Vy	27/02/2009	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính		

Danh sách này có: 146 học sinh

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG

Bạch Thị Thom

Dương Mạnh Linh

Thống kê TC bằng BLĐ

Năm TN	Hệ	Số lượng	Số đợt xét
2019	TC LK 54	185	
	TC K59 NL	86	
2020	TC K60 NL	278	
	TC LK 54	7	
2021	Khối TC K56	314	
2022	TC K56	59	
	TC K56 đợt 2	4	
	TC K57 đợt 2	141	
	TC K57 đợt 3	262	
2023	TC GDNN K58	262	
	TC GDNN K58 đợt 4	65	
	TC GDNN K58 đợt 4 huyện	323	
	TC GDNN K58 đợt 4	7	
	TC K57 đợt 4	1	
2024	TC K59	375	
	TC K58	1	
	TC K57	1	
	TC K59 (TT04) đợt 3 huyện 2024	256	
	TC K59 (TT04) đợt 3 trường 2024	82	
	TC K58 (xét lần 2) đợt 3 trường 2024	1	
	TC K59 (TT09) đợt 3 huyện 2024 xét đợt 2)	4	
	TC niên chế nghề Nghệ thuật khóa 41, 43; Văn hóa du lịch khóa 44	56	
	TC niên chế Pháp luật K X	53	
	TC K59 (TT09) đợt 4 huyện 2024 2 huyện yên châu, mộc châu	43	
2025	KHỐI TRUNG CẤP K60 (TUYỂN SINH ĐỢT 1 NĂM 2023) TẠI CÁC TRU	191	Đợt 1
	KHỐI TRUNG CẤP GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP K59 TẠI CÁC TRUNG T	3	Đợt 1
	KHỐI TRUNG CẤP GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP K60 TẠI TRƯỜNG, KHÓA HỌC 202	104	Đợt 3
	KHỐI TRUNG CẤP GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP K59 TẠI TRƯỜNG, KHÓ	2	Đợt 3
	KHỐI TRUNG CẤP GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP K59 TẠI TRUNG TÂM G	1	Đợt 3
	KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO NIÊN CHẾ NGHỀ NTBD MÚA ĐO	52	Đợt 3 niên c
	TRUNG CẤP CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO NIÊN CHẾ NGHỀ QUẢN L	52	Đợt 3 niên c
	KHỐI TRUNG CẤP GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP K59 TẠI TRƯỜNG, KHÓ	1	Đợt 4
	KHỐI TRUNG CẤP K60 (TUYỂN SINH ĐỢT 2 NĂM 2023) TẠI CÁC TTGDTX, KHÓA	291	Đợt 5
	TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO NIÊN CHẾ NGHỀ PHÁP	41	niên chế 60
	LUẬT K60 LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TẠI TRUNG TÂM GDTX		
2026	KHỐI TRUNG CẤP GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP K61 (TUYỂN SINH ĐỢT 1 NĂM 202	122	Đợt 1
	KHỐI TRUNG CẤP GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP K60, KHÓA HỌC 2023-2025	5	Đợt 1
	KHỐI TRUNG CẤP K60 (TUYỂN SINH ĐỢT 2 NĂM 2023) TẠI CÁC TTGDTX, KHÓA	19	Đợt 1
	KHỐI CAO ĐẲNG GDNN K60, KHÓA HỌC 2023-2026	62	Đợt 2
	KHỐI TRUNG CẤP K60 (TUYỂN SINH ĐỢT 2 NĂM 2023) TẠI CÁC TTGDTX, I	10	Đợt 2
	KHỐI TRUNG CẤP K61 TẠI TRƯỜNG HỆ 2 NĂM, KHÓA HỌC 2024 - 2026	146	Đợt 3

Thống kê TC bằng BGD

Số QĐ	Hệ	Số lượng	BGD	Số hiệu đầu	Số hiệu cuối
	TC K53 LK	51			
	TC chuyên nghiệp	1			
	TC K53 LK	15			
	TC K53 LK	1			
	TC K53 LK	1			
274/QĐ-CĐSL				TC1.002867	TC1.003057
275/QĐ-CĐSL				TC1.003058	TC1.003060
584/QĐ-CĐSL				TC1.003061	TC1.003164
584/QĐ-CĐSL				TC1.003165	TC1.003166
584/QĐ-CĐSL				TC1.003167	TC1.003167
590/QĐ-CĐSL				TC1.003168	TC1.003219
591/QĐ- CĐSL				TC1.003220	TC1.003271
787/QĐ-CĐSL				TC1.003272	TC1.003272
915/QĐ-CĐSL				TC1.003273	TC1.003563
916/QĐ-CĐSL				TC1.003564	TC1.003604
224/QĐ-CĐSL				TC1.003605	TC1.003726
224/QĐ-CĐSL				TC1.003727	TC1.003731
224/QĐ-CĐSL				TC1.003732	TC1.003750
380/QĐ-CĐSL ngày 29/05/2026				000001.CD1.2026.C14	000062.CD1.2026.C14
380/QĐ-CĐSL ngày 29/05/2026				000001.TC1.2026.C14	000010.TC1.2026.C14
				000011 .TC1.2026.C14	000156 .TC1.2026.C14

[illegible]